

KHẢI HUYỀN TỬ

NHÂN CẢM ĐỘN TOÁN

Phép độn toán của cụ trạng Trình



Hà Nội, 1961

KHAI - HUYỀN - TỬ

NHÂM - CẦM ĐỘN - TOÁN

Phép độn toán của cụ Trọng TRINH

G Ồ M :

2/x11/67
gk

- Phần I ; Cửu-Thiên Huyền-Nữ toán pháp**
Phần II ; Lục-Nhâm đại-độn của VIỆT-NAM
Phần III ; Lục-Nhâm thời-khóa giản-yếu

ooo

Diễn - giải ; Dễ hiểu dễ nhớ
Thực-nghiệm ; Rất đúng rất hay

1 9 6 1

NHÂN-CẨM DỘN-TOÁN

LỜI NÓI ĐẦU

Đôi-tượng tâm vật

Tâm là nội tâm của con người : Tâm-tư, trí-tuệ, tín-tưởng, cơ-biến, khứu-năng trong tâm-linh, cảm-giác diệu-ứng trong tâm-hồn, tạng tạng-thức.

Nhân linh vạn vật. Trời phú cho loài người được có tâm linh hơn hết mọi vật, nên con người làm chủ muôn vật, thụ-dụng những vật chất thiên-nhiên của trời đất, sống trong đạo-lý của loài người.

Nhân-loại tiến-hóa ;

Nhờ ở tâm-linh biết suy-luận, với sự học hỏi cầu-tiến không ngừng, nên loài người đã từ đời hồng-hoang ; ăn lông ở lỗ qua thời đại thạch-khí, đồng khí, đến thời đại thiết-khí, cơ-khí như ngày nay.

Khoa-học hiện-dạt, tuy đã phát-minh kỳ-sáo, tiến-triển mạnh-mẽ, tương-đối có thể tạm cung ứng cho nhân-loại một phần nào nhu-cầu về vật-chất.

Ngỗ bí của loài người

Trong vũ trụ bao-la, luật sinh hóa, biến thiên của vạn vật vô cùng kỳ-áo. Những biến thể, biến chất, với hóa-chất ở các loại động-vật, thực vật, có khi trái hẳn với thường-lệ, còn nhiều cái; khoa-học tìm không thấy nguyên nhân.

Sự huyền-ứng cảm-thông, giữa quỷ-thần và người thể-gian, giữa âm-hồn với người dương-thế, những hiện-tượng ; quái-dân, kinh-cụ phi-thường giữa người chết với thể-giới người sống, khoa-học không phương giải-dáp.

Sự cấu-tạo thể-chất thân người và động-vật, những bệnh-hoạn làm biến-chuyển, trong cơ-thể tạng-phủ, những yếu-tố làm cho con người ; Thọ, yểu, tử, sinh. Trước những quái chứng nan y, khoa-học đành bó tay không phương giải-cứu, phó người đời cho hai chữ định-mệnh, vô thường.

Còn biết bao nhiêu những sự : Cùng, thông, thọ, yểu, đắc, thất, thành, bại có liên-quan với đời sống con người, khoa-học đành chịu mịt-mù, để việc xảy đến đâu mới biết đến đó.

Duy-vật : một quái thai :

Thế mà người ta đã tự kiêu, tự mãn. Nào là ; khoa-học cướp quyền tạo-hóa, nào là ; nhân-lực thắng thiên-nhiên. Tự-trung, với con đường vạn dặm, khoa-học mới đi được vài ba thước, đã thối vào đâu, mà với huênh hoang khoe-lắc.

Với ý-nghĩ ngông-cường, rồ-dại, với một mớ văn-minh bả-giả một số người đã cổ nặn ra cái quái-thai duy-vật.

Duy ; Với ý họ : chỉ có một, ngăm bảo : Không còn cái thứ hai nào khác hơn nó nữa (danh-từ chỉ đích)

Vật là : Vật-chất, hay là một con vật. Người ta lấy bản chất tự-nhiên của vạn vật, rồi quan-niệm rằng : Hiện-tượng của tinh-thần ; là tác dụng của vật chất.

Duy-vật ; phải chăng một học thuyết ;

Dựa vào thuyết nhân-sinh ; quyền sống của con người, người ta đã thổi phồng nó lên, để thần-thánh hóa món Duy-vật, rồi lý-luận rằng : Ta có làm là ta có ăn, ta làm nhiều thì phải được ăn nhiều.

Tất cả những cái gì ở đời, đã tương quan đến vấn-đề nhân-sinh, thì tự ta phải đào tạo lấy. Một khi đã tự tay ta đào-tạo được, thì ta có quyền thụ-dụng, không cần biết đến nguyên-ý khác,

Lý-luận như vậy, thoát nghe, nó cũng có lý một chút. Nhưng chỉ trong một phương-diện nào thôi. Đến khi đem ra thực-hành, thì nó lại mâu-thuẫn, trái ngược với ý-nghĩa chữ nhân-sinh.

Duy-vật : một cái nhân không quả :

Nếu nhân-sinh quả là một học-thuyết, một triết-lý, tất phải đem lại cho loài người một đời sống yên-ổn và đầy-đủ.

Lấy vật-chất đối vật-chất, người ta đã nêu : Tôi làm tôi ăn, rồi anh làm anh ăn, nó làm nó ăn. Tôi làm giỏi làm nhiều, tôi phải ăn nhiều, tôi có quyền ăn nhiều.

Thuyết lý thụ dụng vật-chất, nói chung cả : ăn, mặc, khỏa-lạc, dễ đi đến thoái-hóa cực-doan, có thể gọi là phản khoa-học.

Trước hiện-tượng đó, dầu rằng : Duy-vật có nguy-biến bằng cách nào đi nữa, thì thuyết Duy-vật đã kéo con người của họ thật lút lại về đời thái-cổ hồng-hoang, là đời chưa có học-thuyết của nhân-loại,

Đã hay rằng : ăn để sống, vẫn là luật sinh-tồn của hết thảy sinh-vật trên thế-gian, đến như một con vật, nó cũng biết tìm ăn, để nuôi sống lấy thân nó, nhưng nó chỉ với một niềm ăn thôi.

Chẳng khác là bao. con người Duy-vật đã sống ngoài tình cảm, gạt bỏ đạo lý, cương thường, cha đệp lễ, nghĩa, liêm, si, đến lòng nhân-đạo « tối thiểu » giữa người với người, cũng không còn ở nơi họ.

Duy-vật : sẽ đưa nhân-loại đến đâu ?

Do đó bởi vấn-đề : ăn nhiều, ăn ít, cộng với lòng tham, ác, ích kỷ, sản có ở con người, có câu : Nhân dục thắng, thiên lý vong.

Cái lẽ : mạnh được yếu thua, nhiều lấn hiếp ít, đã công nhiên tiếp-diễn, làm cho thế-giới loài người không bao giờ yên-ổn.

Thời thì con giết cha, vợ giết chồng, anh em bè bạn giết hại lẫn nhau, gây nên hỗn-loạn, chiến-tranh vô nhân-đạo trong thế-giới

nhân-loại, lịch-sử chưa từng thấy.

Cái thảm-họa tàn-khốc, người giết người, hỡi Duy-vật gây nên, còn diễn biến đến mức nào ? đến bao giờ ? người ta sẽ đối trị bằng cách nào ? một vấn-đề trọng đại cho cả một thế-hệ.

Tinh-thần dân-tộc Việt-Nam :

Học-thuyết Đông-Phương, nhất là dân-tộc Việt-Nam, từ khi lập quốc, lấy đạo-lý, cương-thường làm nền móng, người dân Việt vẫn giữ được dân-tộc tính, với văn-hóa cổ-truyền, với niềm tin-ngưỡng trời đất, quý-thần, và phụng-sự ; ông bà tiên-tò.

Người, thuần-túy Việt-Nam vẫn tin-tưởng và sống theo quan-diêm của Duy-tâm ; tu-dưỡng đạo-đức cao-thượng, nên đặt vấn-đề ăn uống như sau : Người ta ăn uống để nuôi xác thịt, là cái thân tứ-dại giả hợp, ô-trọc bất-tính, chỉ là việc phụ, nên có câu : Miếng ăn quá khẩu thành tàn, với câu : Miếng ăn là miếng nhục.

Phần chính là : Trong nội tâm ta phải có cái học căn-bản, về đạo lý lễ nghĩa, ta phải có một niềm tin-tưởng vô-biên kiêng sợ và kính cẩn, một đức chí-tôn cao cả, với đạo trời đất chí-công chí chính, ta phải sống với đạo làm người, biết phân biệt ; thiện, ác ; tà, chính, để tránh dữ tìm lành.

Duy-tâm biện chứng :

Học-thuyết Đông-Phương : Bẩm tính của người ta vốn thuần thiện (nhân chi sơ, tính bản thiện) vì người ta không tự biết tu-dưỡng, để giữ lấy gốc thiên-chân của nó. Rồi cuộc sống hàng ngày, phải va-chạm với người đời, lẫn-lộn gần ác xa thiện, tập-nhiễm thói xấu ở đời (tập tương viễn, tính nãi thiên) làm vào đường tội lỗi.

Theo tâm-lý học : Nội tâm con người, không thể dễ trống

rõng, nó phải có một trong hai loại : Thiện hay là ác.

Bởi thiện ác tương quan với nhân loại, nên từ ngàn xưa đã có các bậc siêu-nhân, thánh, triết : Đức Phật từ-bi độ sinh, Đức Chúa bác ái cứu thế, rồi đức Lão-tử dạy người đời tu-dưỡng đạo đức, đức Khổng tử dạy người đời tu, tề, trị, bình.

Với bao nhiêu kinh sách, khuyên dạy người ta cói đạo làm người, và khuyến thiện răn ác.

Thích gia với thuyết nhân-quả : Tạo ác thì chịu nghiệp gieo nhân thì được quả, lại có câu : Thiện, ác, tội hay phúc, chính, tà bởi lòng ta, câu : Nhất thiết duy tâm tạo.

Đạo gia thì tin rằng : Đấng chí tôn cao cả, có đủ quyền phép ; ban phúc tha tội cho người đời, Chúa ngự trị trong tâm linh, soi thấu mọi ý-nghĩ và hành vi của người đời có chữ : Thượng đế làm nhĩ (lãng Thượng-đế luôn-luôn lại với người).

Vì người đời lỗi lầm rất nhiều, nên cầu xin đấng chí-tôn, ban phúc và tha nợ cho mình, cũng như mình tự xin tha nợ cho kẻ có nợ, để noi gương bác ái với lòng thương yêu nhân-loại vô biên của chúa Cứu-Thế.

Nho gia thì dạy người : Ủy thiên tri mệnh (sợ trời và biết định mệnh của mình) lại có câu : Thiện, ác đão đầu chung hữu báo (thiện hay ác đến sau sẽ có báo ứng) đề tự cảnh giác lòng ; có câu : Âm xư khí tâm, thần nhơn nhược điện (trong bóng tối làm việc đối lương tâm, con mắt thần sáng soi như điện).

Tam giáo nhất nguyên :

Nho, Đạo, Thích ba giáo, tuy nhiên ; giáo lý, giáo điều có chỗ khác nhau, nhưng vẫn cùng một mục đích : Đặt niềm tin tưởng bất diệt nơi nội tâm con người, để dẫn-dắt con người vào con đường phúc thiện.

Đối tượng tâm và vật :

Đề phá-tán cái tinh-thần cổ hữu của dân Việt . Duy-vật đưa ra : Ta có làm thì ta mới có ăn, có mặc. Một khi ta bị thiếu thốn đói rách, thì dầu ta có lễ Phật, cầu Chúa đến mấy đi nữa, các vị cũng chẳng mang lại cho ta lưng cơm manh áo nào. Người ta chỉ có : Tự mình làm mới được, chứ có trời nào đã cho ai cái gì bao giờ.

Tin lời phỉnh-phờ, xúi giục, những người nhẹ dạ nghe theo, cố sống cố chết làm không kè ngày đêm, nào là thi đua, nào là tinh-thần cao, nào là tự cảnh-giác, kết quả mired hưởng-thụ lại quá ít ỏi thiếu thốn hơn trước. Cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc (bọn đầu trâu mặt ngựa thu vét hết) sự thất bại đã hiển nhiên. Bấy giờ mới đồ quanh ; Nào là tư-sản lợi dụng bóc lột, nào là gian thương lũng-đoạn thị-trường, nào là trí-thức ngấm-ngấm phá-hoại. Lại một phen xúi giục nhân dân thù ghét tư-sản, trí-thức, tiếp diễn cái trò chém giết những lương-dân vô tội. Đó là kết quả khốc hại của Duy vật.

Ý trời và định-mệnh :

Người Duy thần tin tưởng ở ý trời và định-mệnh.

*Đạo gia tin rằng : Người ta làm, nhưng còn phải trông ở ơn trên có ban cho mới được * Làm ở bay, ban ở ta , lời Chúa phán.*

Về lâm-lý ; người ta đặt niềm tin tưởng tuyệt-đối cầu xin chúa ban ơn.

Chúa thay quyền tạo-hóa, làm chúa tể cả vũ trụ, muôn loài, quyền oai trên hết các đấng, việc thưởng phạt, phúc hay họa, do ý chúa định, ta gọi là định-mệnh. Đâu có phải hể làm là được.

Thích gia với thuyết Nhân-duyên sinh ; Nhân là cái năng, hành (có thể làm) Duyên là cái sở hành (nơi sẽ làm) năng và sở hòa-hợp, tác-dụng, là sinh.

1) *Thí-dụ* : Nhân là hạt giống, Duyên là đất, nước, là chất bón. Nhân duyên hòa hợp là sự gieo hạt giống với đất nước, nhờ được đủ duyên, hạt giống nảy mầm đâm lộc ra hoa kết quả tốt tươi, thế là thành, là đắc, là hợp.

Một khi không đủ duyên hay hết duyên, thì nhân có gieo cũng không sinh được, đó là bại, là thất, là tán.

2) Vạn sự ở thế-gian đều do duyên khởi mà tạo thành, (pháp-giới trùng-trùng duyên khởi).

Thí-dụ : Cây cỏ là nhân, nhờ ở duyên khởi là gió, (gió nổi dậy) làm cho cây cỏ rung-động, đó là sinh. Gió vốn là vô hình, khi đã làm cho cây cỏ rung-động, thì từ vô hình chuyển sang hữu hình, với tác-dụng của nó là sinh, khi hết duyên thì nó tự tan rã, gió hết, cây cỏ trả lại cho cây cỏ.

Vạn sự trên thế gian, với chỗ thành, bại, đắc, thất, hợp, tán : đều không ra ngoài pháp Nhân duyên sinh. Khi nó đủ duyên thì tác-dụng từ vật ra sự, từ sự lại tâm. Khi hết duyên thì nó tự tan rã, tâm vẫn là tâm, gọi là định-luật của tạo-hóa.

Nho gia thì tin ở sự học đạo-đức với lòng quang minh của mình, nên kính tin nơi trời đất, quý-thần mới có câu : Thiên-địa chí chính chí công, và quý-thần chỉ vì đức kỳ thịnh hỷ hô.

Người có lòng thành, cảm thông được đến quý-thần, nên có câu : Tế như tại (tế lễ cảm thấy như quý-thần đã đến nơi đó) và hữu kỳ thành tất hữu kỳ thần (có lòng thành ắt hẳn có quý-thần chứng-giám) Nhà nho còn tin ở lòng trời và ở định-mệnh, nên có câu : Thành bại do thiên (việc thành hay bại là bởi ở lòng trời) hay câu : Thính thiên do mệnh (nghe theo lòng trời, và số-vận của mình) Thậm-chí đến những cái nhỏ nhặt, thường dụng hàng ngày, cũng cho là có trời định trước, như câu : Nhất ẩm nhất trác, giai do tiền định (một hớp uống, một miếng ăn đều bởi định-mệnh).

Trời ; sách nhỏ có chữ : Tối cao, tối quáng (rất cao rất rộng vô cùng) vô thứu, vô thanh (người không mùi, nghe không tiếng) mặc vận cái quyền sinh hóa ở cõi hư vô

Làm cách nào biết được mệnh trời :

Vậy nên, Từ ngàn xưa, những đấng Thánh-nhân : Vua Phục Hy, Vua Văn-Vương, Đức Chu-Công, Đức Khổng-Tử đã diễn quẻ Dịch để biết ý trời, để xem định-mệnh của người, để mà xu cát lợi hung, cho nên các triều đại vua chúa từ xưa, vẫn có ngành Bốc-quan (quan chuyên coi về việc bốc-toán cho nhà vua)

Về đời sau, muốn giản-dị hóa vấn-đề suy diễn Chu-Dịch, các tiên thánh, tiên sư đã rút lấy những phần chính-yếu trong quẻ Chu-Dịch, dụng ý diễn ra nhiều môn độn toán, để dạy đời.

Độn toán như thế nào, để làm gì ? Định-mệnh là gì ?

Tâm là ẩn tượng của sự-vật, nên tâm-trạng con người hệ vào sự vật. Vật và sự là năng sở cho đời người nên con người quan tâm.

Ý trời và định mệnh, làm cho người ta lo âu thắc mắc, mỗi khi, đứng trước sự : Thành, bại, đắc, thất, có quan hệ cho đời sống của mình, hay thân-nhân mình, khiến người làm sự phải thắc mắc lo sợ, nhiều khi không dám tin vào tài trí của mình bởi chữ : Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên, rất đối như Gia-Cát Vô Hưu, thông minh thần thánh đến bậc nào, mà luôn phải tính nhăm độn, mới nhăm đúng sự việc.

Ta là người trần mắt thịt, trong khi hữu sự, không khỏi lòng ta bối rối hoang mang, khi ấy ta cảm thấy thân ta chỉ là một hạt bụi trong vũ-trụ bao-la, ta sẽ bị nghiền bị cuốn theo, bởi bánh xe tạo hóa, người ta bèn đặt cho nó cái tên là định mệnh, là sự định đoạt về thân mệnh của mình.

Sự vật theo cái đà chuyển vận trong vòng tạo hóa, khi sự vật chưa thành, gọi là tiên thiên, vì nó ở trong vòng minh-mịch hư vô, nên gọi là minh lý, khi nó tác dụng gọi là Huyền-cơ, khi nó tạo hình ứng vật đã thành, gọi là hậu thiên.

Phàm những khoa độn toán ở thế-gian, đều không ra ngoài định luật : Hóa khí và tạo hình, của tiên thiên và hậu thiên quẻ Dịch.

Như trên đã nói : Khoa độn toán đã nhằm vào tiên thiên và hậu thiên, từ hóa khí đến thành hình nên trong quẻ có ; ngoài và trong, chủ và khách, đem hai phối trí với ngũ hành bát quái trogn quẻ Chu-dịch, hợp với ba thần bốn tượng, đó là tác-dụng của hậu thiên.

Lai nguyên phép độn toán Vào Việt-Nam :

Trên lịch sử độn toán nước nhà, có từ đời Trưng-Nữ Vương, bà Lê thị Chân một danh tướng Trung-triều, phò vua bà đánh-đuổi quân xâm lăng Tô-Định, vào khoảng đầu Tây-nguyên, bà tinh tường về phép toán âm dương, bà là Tở sự về môn toán, gọi là : Cửu-Thiên Huyền-nữ toán pháp (coi phép toán ở phần I)

Đời Hậu-Lê, cụ Nguyễn bình Khiêm, tục gọi là : cụ Trạng Trình, người làng Cồ-Am (Vĩnh-Bảo) rất am tường về phép toán Thái-ất thần kinh. Vì môn toán Thái ất rất khó, người không có thiên tài không thể học được, cụ bèn đem phép âm dương độn toán trong phép độn : « Du-Đô Lỗ-Đô » lấy tam truyền tứ khóa làm Hệ-quái, diễn thành phép Lục-Nhâm đại độn, theo công-thức riêng, có tính cách dân-tộc tính, những khởi khóa, đặt thành thi ca bằng tiếng nôm của người Việt, dễ dễ hiểu dễ nhớ, dễ truyền dạy cho người đời, ta gọi là phép « Nhâm cầm độn toán »

Về triều chính vua quan phong kiến, sách dạy Nhâm cầm độn toán, coi như một loại cấm thư, thường dân không được phép dùng, chỉ có những nhà đại gia, quyền quý mới có.

Sở đắc chân truyền ;

Về cận đại có hai phụ nữ Việt-Nam, đã học được phép dộn này, là những vị nữ cách mệnh có tên tuổi trong lịch-sử cách-mệnh tranh-dấu của dân-tộc Việt-Nam.

1) Cô Yên, người làng Yên-Điền, huyện Yên-Dũng (Bắc-Giang, Bắc Việt) là vợ thứ ba của tướng Cai-Vàng (người làng Sơn-Đình Bảo-Lộc Bắc-giang) cô Yên đắc chân truyền về khoa Nhâm-dộn, đã theo giúp chồng cô là tướng Cai-Vàng, tên thực là Nguyễn-văn-Thịnh, cuộc cách-mệnh, khởi-nghĩa năm nhâm tuất, tháng ba ngày 18 (1862) mưu đánh đổ triều đình Tự-Đức nhà Nguyễn, cũng nhờ về khoa dộn toán này, cô đã lập được nhiều chiến công, hạ được ba phủ huyện là : Lạng-Giang, Yên-Thế, Yên-Dũng, rồi đem quân vây hãm thành lĩnh Bắc-Ninh trong ba tháng trường, khiến cho vua tôi nhà Nguyễn hồi bấy giờ, phải bối rối lo sợ.

2) Cô Thao, người làng Lạc-Liêu (Bến-Tuần Lạng-giang Bắc-giang) có sở đắc chân-truyền, cô là nữ đồ đệ duy nhất, của Bà Ba Cai-Vàng (Bà Ba Cai-Vàng sau khi chồng chết, Bà giải binh về xuất-gia tu ở chùa làng Niềm tỉnh Bắc-Ninh) học được phép nhâm dộn, cô theo chồng là ông Hoàng Hoa Thám tức Đề-thám, vì là vợ thứ ba ông Thám, nên gọi là cô Ba Đề Thám, ông Thám ở đâu là cô ở đó, theo giúp chồng cô chống với quân Pháp, 10 năm, cô được trong quân kính nể, là nữ tiền bối cách mệnh ái-quốc khoảng đầu thế kỷ thứ 19.

Thế nào là Nhâm Cầm Dộn Toán ;

Danh từ Nhâm cầm dộn toán, có đã lâu đời, một phần lớn đồng bào ta, thường hay nhắc đến, nhiều người không biết là danh từ gì ? gốc từ đâu ?

Nhâm là : Phép dộn Lạc-nhâm như : Lạc-nhâm đại dộn, Lạc-nhâm tiểu mã, Lạc-nhâm thời khóa, do ông Lý Thuần Phong đời nhà Đường phát minh.

Phép Lục-nhâm đại độn soạn vào sách này, công-thức khác với Lục nhâm đại độn, của người Tàu. Sách này do cụ Trọng Trình diễn soạn, bằng nôm Việt-Nam, (coi xem phần II.)

Cầm là : Bắt lấy, đón lấy, do chữ cầm nã với nghĩa : Đón lấy, bắt lấy cói hay, cái tốt lành, trong chữ Xu-cát. Chữ cầm đây người Việt nói nôm là : Cầm quẻ độn, hay cầm chắc sự tốt xấu, lành dữ trong tay.

Độn là : Trốn tránh, lánh ẩn, ý nói : Tránh cái dữ, cái xấu, trong chữ tị hung.

Tương-truyền : Phép Cầm và độn, đều do cụ Gia Cát Không minh đời Tam quốc suy diễn.

Toán là : Phép dùng con toán, để tính thành quẻ, phép này có từ đời Chiến quốc, ông Ngũ Viên và ông Phạm Lãi, tinh tường về khoa toán này.

Phép toán này ở Việt-Nam Bà Lê-thị-chân làm Tờ-sư gọi là : Cửu Thiên Huyền nữ toán pháp, cũng như phép coi cẳng gà, cũng khấn : Tờ-sư : Cửu-Thiên Huyền-Nữ Lê thị Chân, coi phép toán ở phần I.

Nhâm cầm độn toán: các cụ nhà ta đời trước, đã liệt vào môn thần-bí, ẩn hiển, coi như cánh cửa vào mấy huyền.

Đòi cho rằng : người thông hiểu được nhâm cầm độn toán tức là thông hiểu hết mọi sự ở thế-gian.

Tài liệu biên soạn :

Nước ta từ hồi người Pháp chiếm lĩnh, lập ra Viễn-Đông, Bác-cổ học viện, một kho tàng đã sưu tập nhiều loại sách quý của người Việt-nam.

Tài-liệu, đề biên soạn ra quyển Nhâm cầm độn toán này, rút trong quyển (Cửu thiên huyền nữ toán pháp, là sách cổ-thư quý giá, của người Việt-nam, được tàng trữ tại Viễn-đông bác cổ học viện.

Tài liệu được in ra bởi phim ảnh của Học viện.

Phần I Cửu thiên huyền nữ toán pháp.

Phần II Lục nhâm đại độn (phép độn của người Việt Nam).

Phần III Lục nhâm thời khóa.

Toàn bộ biên soạn bằng viết văn (văn xuôi và văn vần lục bát) cả ba phần đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, biên soạn rất công phu, thấu hợp rất đúng phép.

Vẫn theo tài liệu trên, nhưng đã được xếp lại có thứ-tự và gọt sửa lỗi văn cho rõ nghĩa, dễ đọc dễ hiểu,

Những chỗ khó, đã đặt nhiều thí-dụ, khiến người đọc ai cũng lĩnh hội được ý nghĩa trong quẻ, để phân-biệt được tốt, xấu, lành, dữ.

Duy hành tâm vật ;

Độn toán là một bí thuật ; Nhòm lên máy thần, ngầm biết ý trời, nhận rõ định-mệnh của mình, con người duy thần cần phải biết. Con người ta, có tâm tức là có sự, có sự tức là có vật, tâm sự vật tương quan tác dụng, gọi là : Duy hành tâm vật.

Trên cõi đời : Hễ có người là có bói toán, có tiên tri, kể cả các nước văn-minh trong hoàn-vũ, nước nào cũng có, tùy theo tập-tục, học văn của từng dân-tộc mỗi nước một khác.

Con người Duy thần, nếu không biết trước ý trời, không đáng gọi là Duy thần. Một nước văn-minh, nếu không biết môn thần-bí học, chưa đáng gọi là văn-minh tinh thần.

Vì loàn người chưa thể tận tín vào học-thuật của mình mà khoa-học cũng chưa bảo đảm cho con người bằng cách đặc-lực tuyệt-dối, nên con người còn phải tìm hiểu, để tránh dữ tìm lành, nhất là con người Duy-tâm, lại càng ham học hỏi hơn.

Cổ nhân có câu : Quân-tử văn tai bất văn phúc (người

quân-tử hỏi tại họa, không hỏi đến phúc của mình) Tiều nhân vẫn cát bất vấn hung (kẻ tiều-nhân chỉ hỏi chỗ tốt không dám hỏi đến chỗ xấu). Vì tâm bệnh của con người, nên ở đời đã sản sinh ra một số manh-sư, siểm ác, chúng chuyên tâng bốc người hiền thắng, ưa phỉnh, lợi hay dọa nạt những kẻ yếu hèn, tạo nên những mối dị đoan, mê tín vô cùng tai hại.

Cũng vì vậy, nên từ xưa các cụ của chúng ta, đã phải lo xa cho con cháu, bèn nghĩ ra cách, tự tín, bằng quyền sách này đề mình độ-đoan lấy cho mình khỏi bị người ta lừa gạt.

Biết trước ý trời, hiểu rõ định mệnh của mình; được què tốt, thì ta cố gắng tiến thủ cho tới thành công. Bằng gặp xấu, đã báo cho ta điềm dữ, thì ta cần trọng đề phòng.

Nếu không biết ta phải đi coi người ngoài, đã bị mất tiền, lại phải nghe tui nói láo, thêm lo vào thân.

Còn đề tránh những mối dị đoan mê hoặc, cám dỗ mình, đừng giữ vững bản ngã của con người duy-hành tâm vật.

Được như vậy, thì chỉ có lợi mà không có hại.

Mùa Xuân năm Tân-sửu 1961

Soạn giả :

KHẢI-HUYỀN-TỬ



PHẦN I

CỬU-THIÊN HUYỀN-NỮ TOÁN-PHÁP

Xưa ông Ngũ Tử-Tư đi tị nạn ở đất Cối-kê, đã dùng phép toán này qua được bao nhiêu gian nan nguy hiểm, vì biết trước được, để tránh dữ tìm lành, cho nên mọi sự đều hanh-thông, trăm ngàn việc đoán không sai mấy may.

Sau ông Phạm Lãi, cũng dùng phép toán này, qua được mọi sự khó khăn, sở cầu thầy đền linh-nghiem.

Theo phép toán này : Mỗi khi cò sự gì quan ngại trong tâm, kíp bẻ lạy hay nhặt một số que tre hay cành cây nhỏ và dài, để làm con toán, số con toán không hạn định là bao nhiêu.

Nắm lắt cả vào tay phải, nâng cao ngang đầu, miệng khấn bài « Khải-Thần » (xem ở dưới) đứng đọc sai hay thiếu chữ nào.

Khấn xong, chia nắm con toán ra làm đôi, mỗi tay cầm một nắm, bèn nào bao nhiêu cũng được.

Trước tiên đem nắm thẻ bên tay trái, giảm đi ba thẻ, rồi lại giảm ba thẻ nữa, ba thẻ nữa, ký cho còn lại : hoặc một thẻ, hoặc hai thẻ, hoặc ba thẻ cuối cùng.

Đoạn đem số thẻ còn lại đó, đặt theo chiều đứng ở bên trên như : I, II, III,

Kế đó đến nắm thẻ bên tay mặt, lại theo cách giảm ba thẻ như trên, ký cho còn lại, hoặc 3 thẻ, hoặc 2 thẻ hay 1 thẻ.

Đoạn đem số thẻ còn lại cuối cùng đó, đặt theo chiều ngang nắm ở mé dưới như : 一, 二, 三,

Khi hàng thẻ trên, hàng thẻ dưới đã đặt xong, đó là quẻ đã thành. Coi xem đó là quẻ gì, chỉ còn tìm lấy quẻ lập thành,

theo công thức, đặt sẵn ở dưới quẻ, mình xem, rồi xét đoán theo việc của mình cầu (khi coi xong rồi thì phân hóa con toán đi, không nên để vương vãi, dơ bẩn).

BÀI KHẢI THẦN :

Trời đất che chở, thánh thần thiêng liêng, có ngờ thì hỏi, có hỏi thì thông, chữ rằng : có thành có thần, có cầu có ứng.

Năm nay.... tháng.... ngày.... tên.... ở.... có việc....

Gặp sự quan tâm, lòng đương thắc mắc. Dám xin triệu thỉnh Tổ sư toàn bôc : Đức Cửu-Thiên Huyền-Nữ giảng-linh ứng quẻ, lại mời hai vị tiên-sư : Thầy Ngũ-Tử-Tư và thầy Phạm-Lãi, đồng làm chứng giám. Hay khen hèn chê, cho chúng tôi biết đường mà lợi, biết lối mà qua, ngõ hầu ; tránh dữ tìm lành, đổi tai làm phúc. Nay khải.

BẢNG KÊ CHÍN QUẺ LẬP THÀNH : TƯỢNG TỐT HAY XẤU.

I	1 dọc 1 ngang,	trọng quẻ, Đại tượng	:	Tốt
I	1 dọc 2 ngang,	—	:	Xung âm
II	1 dọc 3 ngang,	—	:	Huyền nhai
I	2 dọc 1 ngang,	—	:	Hồng dực
II	2 dọc 2 ngang,	—	:	Lão quân
II	2 dọc 3 ngang,	—	:	Phi long
III	3 dọc 1 ngang,	—	:	Thái hiệu
I	3 dọc 2 ngang,	—	:	Khẩu thiệt
II	3 dọc 3 ngang,	—	:	Tường vân
III				

I 1 DỤC 1 NGANG

Số 1 thuộc thủy, là quẻ **Đại tượng, tượng quẻ** gọi là : Chính linh, rất tốt.

Ứng thời : ngày 1 tháng 6. Mưu vọng được quẻ này tốt.

Lời quẻ dạy : Dày mây quần leo tảng đá trong khe núi.

Người xem được quẻ này, nên tùy theo chiều cong, chiều thẳng mà xử sự, lúc đầu mọi việc hơi khó khăn, vất vả, nhưng sau được may mắn, tốt lành.

Với quẻ này : Vua chúa dựng nước mở mang cõi bờ, chư hầu đều đều thịnh vượng, thứ dân thu hoạch được nhiều thóc lúa làm lộc, bệnh hoạn được thuyên khỏi, hành nhân mau về, cầu quan thêm tước lộc, tranh tụng thì hòa hân, đi tỵ được bình an, đi đường được như ý.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan thích chí thỏa lòng,
Đi đường mau đến, lập công mau thành.
Hòn nhân ý đẹp duyên lành,
Bán buôn thông lợi, ta dành lời to.
Bệnh hoạn sẽ khỏi đừng lo,
Thuốc thang cầu khẩn dễ cho mau bình.
Kiện cáo hòa giải tụng đình,
Thất tài mau kiếm của mình còn nguyên,
Nhiệm chức quan chóng thăng thuyên,
Đổi nơi đổi chỗ, bằng yên lâu dài.
Sinh sinh thì đẻ con trai,
Nuôi tằm, cấy lúa, được lời bội thâu.
Đi đường khỏi phải lo âu,
Đường bộ nhẹ bước, sông sâu thuận dòng.
Xuất quân chiến thắng lập công,
Dầu chơi du hí, thỏa lòng hơn thua.

I 1 ĐỌC 2 NGANG
=

Số 1 thuộc thủy, số 2 thuộc hỏa, trong thủy ngoài hỏa, là quẻ **xung âm** xấu. (Trước xấu sau lần lần khá).

Tượng quẻ : Mong người đến ngay, không có lợi thì chậm trễ.

Ý quẻ : Bình sinh, đi đường bộ xa xôi, hiểm trở, khó nhọc, đắng cay. Tuyết tan vào mùa hạ, sương xuống vào mùa Thu.

Ý đoán : Trong khi gặp rút, gian nan, tan lạc mất hàng.

Với quẻ này : Vua chúa thì bỏ khoáng nhân dân, chư hầu thì có tai biến, thứ dân thì miệng tiếng nghèo nàn, nên làm phúc cầu phúc thì tốt.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan chưa thỏa ước ao,
Hành nhân cách trở làm sao chưa về,
Hòn nhân trái đạo phu thê,
Tranh tụng thất lý giải huê không xong,
Người đi lo lắng hải hùng,
Bệnh hoạn lần khỏi ta mong hàng ngày.
Quan phi miệng tiếng lắm thay,
Nhiệm chức vất vả lại hay đổi dời,
Xuất hành, thủy bộ không lời,
Cầu mưu chậm trễ ta thời băn khoăn.

I 1 ĐỌC 3 NGANG,
=

Số 1 thuộc thủy, số 3 thuộc mộc, trong thủy ngoài mộc, là quẻ **Huyền nhai** : xấu.

Lời quẻ : Dòng đảo kẻ sĩ đi thành đoàn, làm đông đặc về đằng trước.

Với quẻ này : Cầu sự gì không được, nằm ngủ cô quạnh một mình, đường bộ không ngựa, đường thủy không thuyền, lại còn sợ nước trời sóng lập, khéo theo ông Khuất Nguyên.

Tượng quẻ : Người quân tử không vui, kẻ tiểu nhân thui thủi, bệnh hoạn khốn đốn, quan tọng khó toàn, hành nhân trở ngại, chậm trễ, kẻ trốn đi không trở lại, người đi xa hay có cầu cạnh việc gì phải nên cẩn thận.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan vất vả khó khăn,
Cầu nhân khốn khó bội phần gian nan,
Bệnh hoạn kinh sợ không an,
Nhất sinh thập tử khó toàn mệnh nguyên,
Hành nhân ngang quải liên miên,
Đổi nơi nhiệm chức chẳng nên việc gì,
Lại thêm khẩu thiệt quan phi,
Mất của thì bọn nô tỳ bèn trong,
Của đi, lấy lại khó lòng,
Thai sản con gái khuê phòng kẻ sao ?
Tầm, lang, thóc, lúa tổn hao,
Xuất chinh ra trận quân hao tướng mòn,
Đi thuyền bão tố sóng cồn,
Hoa màu lúa mạ thôi còn được chi
Làm ruộng thì bán ruộng đi
Ham chơi cờ bạc có khi mất nhà.

II 2 ĐỌC 1 NGANG

Số 2 thuộc hỏa, số 1 thuộc thủy, trong hỏa, ngoài thủy, là quẻ **Hồng dực**, tốt.

Lời quẻ : Thần tiên khéo bày đặt. Người quý nhân kính yên, vui vẻ hiện ra mặt, mưu sự được thành thời, nói không có lỗi, vinh hoa đến với mình không xa lạ, mọi sự đều gặp may.

Với quẻ này : Vua chúa trị dân yên thịnh, chư hầu hưởng phúc lộc, khoẻ mạnh, thứ dân gia đình lợi lạc, bệnh hoạn yên lành, hành nhân về ngay, xuất hành tùy ý đi khắp bốn phương, không có gì đáng lo ngại, ra ngoài có lợi, nhiệm chức mau thăng quan, tiến tước, tái lộc lại tự nhiên, hôn nhân xứng đáng lứa đôi, có quý nhân phù trợ, tốt lành.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan thì được thỏa tình,
Hành nhân đang mãi lộ trình hồi gia,
Bán buôn thịnh đạt phần hòa,
Hôn nhân tái sắc duyên hòa lứa đôi,
Thai sản thì sinh con trai,
Bệnh hoạn cầu khẩn bệnh vơi khỏi lần,
Cầu tài gặp gỡ mọi phần,
Đời nhàn, trọng nhiệm không cần phải lo.
Mất của chỉ trong gia nô,
Lấy đem đi dấu kíp cho tìm về,
Tâm tang tốt đẹp mọi bề,
Một vốn bốn lãi ta hề sợ chi,
Dầu lòng du hý thị phi,
Của mang đi một có khi gấp mười.

II 2 DỤC 2 NGANG

=

Số 2 thuộc hỏa, hỏa với hỏa, là quẻ bất thuận lý, quẻ **Lão-quân** tốt.

Lời quẻ : Mây bốc khi lành, phúc lợi hầu đến, cầu quan hầu được, buôn bán có tiền nhiều, đường bộ mau đến nơi, bệnh hoạn sẽ khỏi, người quân tử được phúc lộc, kẻ tiểu nhân ra tiền tài, đi trọng nhiệm được vinh thăng, đổi nơi ở tốt đẹp, tranh tụng hòa lưu, người trong nhà được vui vẻ, hành nhân mau về, văn thư sắp đến, mình được người ta trọng vọng, kính mến, hôn nhân vui vẻ thuận tình, chinh chiến thắng trận thành công, có quý nhân lại giúp, quẻ này không sợ tai hung.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan mau được vinh thăng,
Người đi xa đã bằng chứng hỏi gia,
Hôn nhân đôi lứa thuận hòa,
Bán buôn lời lãi gấp ba bốn thành,
Cầu tài tùy ý kinh doanh,
Thai sản sinh dâng nam anh vương tròn,
Bệnh hoạn nước ngọt cơm ngon,
Vinh thăng trọng nhậm chữ son ấn vàng,
Đời đời phú quý giàu sang,
Đi sông nhẹ mơn, đi đường thuận cương,
Dẫn cho chinh chiến sa trường,
Thành công thắng trận bốn phương danh đồn,
Tranh tụng đắc lý công môn,
Diễn, tàm, thu hoạch vạn muôn số lời,
Dẫn cho du hí chơi bời,
Phản ta thắng cuộc hơn người mười phần.



2 DỤC 3 NGANG

Số 2 thuộc Hỏa, số 3 thuộc Mộc, trong hỏa ngoài mộc,
là quẻ **Phi-long** tiến-lộc, triệu tốt.

Lời quẻ : cảnh tiền trên Bồng-dảo, mây mưa không
thường, xa trông phơi phơi, cõi hạc dương dương, hòa hợp
trời đất, giao thịnh âm dương, cầu được ước thấy, tuổi thọ
diễn trường, gần gũi quân tử, văn vũ tài lương, tranh tụng
không lỗi, người đi xa về.

Với quẻ này : Vua chúa thì được người phụ giúp có
tài, chư hầu thì tước lộc tăng tiến, thứ dân thì thịnh vượng,
bệnh hoạn qua bảy ngày sẽ khỏi.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan trước lộc trời cho,
Người đi xa đã hẹn hò về quê,
Tông-thân tốt đẹp mọi bề,
Bán buôn phát-dạt trăm nghề hanh thông,
Tranh-tụng thắng lý hòa đồng,
Thăng thiên trọng-nhiệm muôn chung lộc dày
Xuất hành thì nhẹ đường mây,
Đổi nơi thì được vận may gặp thời,
Bệnh-hoạn thắng-giáng đầy vơi,
Dầu cho nguy chứng mệnh trời còn lâu,
Mưu-vọng như ý sở cầu.
Gia đình hòa-mục trước sau yên lành.

III 3 DỤC 1 NGANG

Số 3 thuộc mộc, số 1 thuộc thủy, trong mộc ngoài thủy, là quẻ **Thái-hiệu** : tốt.

Lời quẻ : Tiến quan đạt chức, tốt. Tháng 9 ngày 5 giờ thân Đức Huyền-nữ đi tuần-hành, giảng-hạ nhân-gian, người quân-lữ được trước lộc, kẻ tiểu nhân được tiền tài.

Với quẻ này : Vui vẻ reo cười, bệnh hoạn khỏi lo, hành nhân sẽ về nhà, hôn-nhân vui vẻ hòa-thân, tranh-tụng hòa-hu, cầu gì sẽ được, phúc lộc dồi dào, mọi sự hanh-thông tốt đẹp.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan hẳn được như nguyên,
Buôn may bán đắt lợi quyền dài lâu,
Tranh-tụng thắng lý làm đầu,
Đàn bà thái ghen, ngõ hầu bình an,
Bệnh dầu nguy-hiểm nhưng toàn,
Người đi nhiệm chức làm quan có tài,

Đồi đời gặp vận thái lai,
Cầm quân thắng trận ở ngoài biên cương,
Bệnh tật qua khỏi như thường,
Hoạn nạn cũng khỏi tai ương hết lần,
Mưu-vọng thân-cận quý-nhân,
Xuất hành gặp phải gian nhân đón đường.

III 3 DỤC 2 NGANG

Số 3 thuộc mộc, số 2 thuộc hỏa, trong mộc ngoài hỏa,
là quẻ **Khâu-thiệt**, xấu.

Lời quẻ : Tồn tài xấu, mọi sự đều xấu, bệnh không an,
hành nhân phượng trở, giữa đường gặp nguy, bế tắc, giao tế
phòng kẻ a-dua siểm nịnh, hay kẻ lừa gạt sẵn bày, chủ tâm
phá tán gia tài.

Với quẻ này : Người trên mất ngôi, mất chức lộc, kẻ dưới
thì tổn tiền hai cửa, nhà nông thì mất mùa, hành nhân chưa
về được, bệnh nhân lo sợ khóc lóc, xuất hành không có lợi,
quan tụng không thuận tiện, mưu-vọng không kết quả.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan cách trở khó khăn,
Nói về tranh tụng chứng nhân khó tìm,
Bán buôn mọi việc không êm,
Hôn nhân không thuận lại thêm tởm mình,
Bệnh hoạn lo sợ hãi kinh,
Thất tài nó lấy của mình đem xa,
Cầu tài tiền bạc không ra,
Nếu cần người giúp người ta hững hờ,
Mưu vọng đây mới nghĩ ngờ,
Cửa nhà gia-sự hiện giờ không yên.

III 3 DỤC 3 NGANG



Số 3 thuộc mộc, quẻ bát thuần chấn, là quẻ **Tường-vân** tượng thiên-hỷ có sự vui mừng rất tốt.

Lời quẻ : Vén mây trông thấy mặt trời, thân ta về trước tuy có khốn khổ gian nan, nhưng sau sẽ được vui sướng an nhàn, mọi sự như ý, mưu vọng có quý nhân, người trên thì được tước lộc, vinh dự, người dưới thì được ân huệ, tranh tụng đắc-lý, hôn nhân tốt lứa thành vợ chồng, bệnh hoạn bình an sẽ khỏi, hành-nhân tự khắc về, buôn bán có nhiều cửa cái châu báu, công nghệ có công dãi cát thì được vàng, đường thủy đường bộ, tùy ý đều thắng lợi, du hý thắng cuộc hơn người.

THƠ ĐOÁN RẰNG :

Cầu quan thì gặp quý-nhân,
Hành-nhân tự khắc bản thân trở về,
Hôn-nhân tốt đẹp mọi bề,
Cầu tài cũng được hành nghề cũng hay,
Thương trường bán đắt buôn may,
Bạc vàng gấm lụa của nay đây nhà,
Đi thuyền không gặp phong ba,
Đi bộ không gặp gian tà hiểm nguy,
Thai-sinh mừng được nam-nhị,
Hoa mần thóc lúa ta thì bội thâu,
Hành quân chiếm được công đầu,
Thăng quan nhiệm chức dài lâu vương tròn.



LỤC - NHÂM ĐẠI - ĐỘN

BẢN TAY BẮM ĐỘN LỤC-NHÂM ĐẠI-ĐỘN

Ngón trỏ	Ngón giữa	Ngón nhẫn	Ngón út
Tị	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn			Dậu tháng 5
Mão tháng 11			Tuất tháng 4, 6
Dần tháng 10, 12	Sửu tháng 1, 9	Tý tháng 2, 8	Hợi tháng 3, 7

Như trên là Bảng thống kê ngôi nguyệt-tướng (nguyệt tướng chỉ đóng có Bầy cung, từ dậu đến mao) những tháng có ghi ở trong bầy cung, hệ tháng nào nguyệt-tướng đóng đâu, thì khởi ngày mồng một ngay tại đó, (dĩ thuận) lần lượt từ tý đến hợi, cả 12 cung. Hệ đến ngày (hiện tại) mình đang bấm độn, thì khởi giờ tý ngay tại đó. Hệ tính đến giờ (hiện tại) mình đang bấm độn, thì lui lại một cung, khởi ngôi Thiên-cương mười vị, để tìm Tam-thần, xin coi kỹ đầu phần II, chỗ Bản tay tính Nhâm-Độn.

Phép bấm Nhâm-độn này, kỵ ngày không vong.

Cách tìm ngày không vong đã ghi rõ ở phần III Lục-Nhâm Thời-Khóa.

PHẦN II

LỤC-NHÂM ĐẠI-ĐỘN

Phép Nhâm-dộn này của người Việt-Nam, theo một công-thức riêng.

Trước hết phải học thuộc lòng những công-thức dưới đây :

Ca tìm ngôi Nguyệt-tướng :

Tháng Giêng, tháng Chín tìm trâu (Sửu)
Tháng năm (Già (dậu) gáy ta mau quay về,
Tháng tư, tháng sáu Chó (Tuất) lè
Tháng ba tháng bảy Lợn (hợi) chẻ cặm hằm,
Tháng hai, tháng tám Chuột (tý) nằm,
Tháng mười, tháng Chạp Hùm (dần) rừng hoang,
Tháng một thì thỏ (mão) lạc đàn
Những ngôi Nguyệt-tướng phải thường nhớ ghi.

Bàn tay tính nhâm-dộn :

Tháng giêng khởi từ cung sửu, di nghịch về cung tỵ, tháng hai, hội; tháng ba, tuất; tháng tư, dậu; tháng năm, lại quay trở lại, di thuận qua cung tuất; tháng sáu, hội, tháng bảy, tỵ; tháng tám, sửu; tháng chín, dần; tháng mười, mao; tháng 11, dần; tháng 12, (quay trở lại di nghịch).

Thế nào là Nguyệt-tướng :

Nguyệt-tướng là vị tướng-thần, làm vào tháng nhưn hiện đang bầm dện, tính theo dây thập-thần (mười vị thần)

- Thập-thần là :**
- 1) Thiên-cương.
 - 2) Thái-ất
 - 3) Thắng-quang
 - 4) Tiễn-cát
 - 5) Truyền-Tổng
 - 6) Tông-Khôi
 - 7) Hà-Khôi
 - 8) Đẳng-minh
 - 9) Thần-hậu
 - 10) Đại-cát

Thế nào là Tam-thần (ba vị thần) Dây Thiên-cương phải đọc thuộc lòng, có mười ngôi, gọi là thập-thần, ba ngôi dưới là Ngôi thứ 8, ngôi thứ 9, ngôi thứ 10, gọi là tam-thần.

Thế nào là tam thần lâm tứ tướng ? Mỗi khi khởi tính từ Thiên-cương cho đến ngôi thứ 7 là Hà-Khôi thì không kể, kể tiếp theo ngôi thứ 8 là Đẳng-minh (thần gia mạnh), đến ngôi thứ 9 là Thần-hậu (thần gia trọng) đến ngôi thứ 10 là Đại-cát (thần gia quý) Như vậy là tam thần.

Tứ tướng là : Bốn cung : Tý, Ngọ, Mão, Dậu, tính từ tý cho đến hợi là 12 cung, hệ ngôi tam thần như trên trùng vào cung tý hay mão, ngọ hay dậu, tức là ngôi thần đã đến với tướng rồi, quả đã thành, khởi phải tính đi nữa.

Bốn tướng tính theo âm dương ngũ hành :

Tý là dương tướng thuộc thủy
Mão là âm tướng thuộc mộc
Ngọ là dương tướng thuộc hỏa
Dậu là âm tướng thuộc kim.

Ba thần tính theo ngũ hành :

Đẳng minh thuộc mộc;
Thần hậu thuộc hỏa
Đại-cát thuộc kim.

Thế nào là nội (trong) ngoại (ngoài) ?

Bốn tướng đóng ở bốn vị trí, không di hoán (xê dịch) nên gọi là nội (bên trong).

Ba thần duy chuyển đi khắp cả 12 cung, để tìm tướng, nên gọi là ngoại (ngoài tìm đến).

Phép tính Mạnh, Trọng, Quý :

Ngôi Đấng-minh làm vào cung tý hay mao hoặc ngọ hay dậu là **Mạnh** (Đầu)

Ngôi Thần hậu làm vào cung tý hay ngọ mao hay dậu là **Trọng** (Giữa)

Ngôi Đại-cát làm vào cung tý hay ngọ mao hay dậu là **Quý** (Cuối)

Phép định ngôi Thiên-cương để phân Mạnh, Trọng Quý.

Ngôi Thiên-cương gia vào 4 cung như : Dần, Thân, Tị, Hợi là Mạnh (thiên-cương khởi từ 4 cung : dần, thân, tị, hợi thì ngôi Đấng minh phải đóng ở 4 cung : tý, ngọ, mao, dậu).

Ngôi Thiên-cương gia vào 4 cung : Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là trọng (thiên-cương khởi từ 4 cung : thìn, tuất, sữu, mùi, thì ngôi thần hậu phải dời ở 4 cung : tý, ngọ, mao, dậu) .

Ngôi Thiên-cương gia vào 4 cung : Tý, Ngọ, Mão, Dậu là quý (thiên-cương khởi từ 4 cung : tý, ngọ, mao, dậu thì ngôi Đại-cát phải đóng ở 4 cung : tý, ngọ, mao, dậu.

Phép tính ngũ hành tương sinh, tương khắc, theo bốn mùa ;

Tháng 1 dần, tháng 2 mao (mùa Xuân) mộc vượng

Tháng 4 tị, tháng 5 ngọ (mùa Hạ) hỏa vượng

Tháng 7 thân, tháng 8 dậu (mùa Thu) kim vượng

Tháng 10 hợi, tháng 11 tý (mùa Đông) thủy vượng

Tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12, tứ quý (bốn tháng cuối cùng mỗi mùa) thổ vượng.

Mộc (Xuân) Hỏa (Hạ), Kim (Thu), Thủy (Đông), Thổ (Tứ quý là bốn tháng cuối mùa) thành ra năm mùa,

Ngũ hành tương sinh ;

Mộc sinh hỏa, Hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, Thủy sinh mộc.

Ngũ hành tương khắc :

Mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Phép biến quẻ theo công thức mạnh, trọng, quý :

Nay có ba người cùng xem vào một giờ, nhằm vào giờ Mão, ngày 18 tháng 6.

Người thứ nhất :

Tìm Nguyệt tướng : thầy khởi tháng giêng từ cung Sửu, đi tìm Nguyệt tướng, nghịch về cung Tý tháng 2, hội tháng 3, tuất tháng 4, dậu tháng 5, đến dậu thì quay thuận trở về tuất tháng 6. Vậy Tuất là Nguyệt tướng.

Tìm Nhật thần : Nay Nguyệt tướng đóng ở cung tuất, thầy khởi ngày ngay ở cung tuất, bắt đầu là mừng một (đi thuận) mừng hai ở hội, 3 ở tý, 4 ở Sửu, 5 ở dần, 6 ở Mão, 7 ở Thìn, 8 ở Tị, 9 ở Ngọ, 10 ở Mùi, 11 ở Thân, 12 ở Dậu, 13 ở Tuất, 14 ở Hợi, 15 ở Tý, 16 ở Sửu 17 ở dần, 18 ở Mão. Vậy Mão là Nhật thần.

Tìm Thời thần : Nay Nhật thần đóng ở cung Mão, thầy khởi ngay ở cung Mão, bắt đầu là giờ Tý (đi thuận) giờ Sửu ở cung Thìn, giờ dần ở cung Tị, giờ Mão ở cung Ngọ. Vậy Ngọ là Thời thần của quẻ mình đang dọn.

Tìm Tam thần : Từ cung Ngọ là nơi Thời-thần đang đóng, ta lui lại một cung tức là cung Tị, khởi ngôi Thiên cương

ngay tại Tị, di thuận sang Ngọ là Thái ất mùi là Thăng quang, thần là Tiểu cát, dậu là Truyền-tống, tuất là Tông-khởi, hợi là Hà-khởi, tỵ là Đẳng-minh, như vậy là quẻ đã ứng, Đẳng minh làm tỵ.

Đẳng-minh là một trong 3 ngôi tam thần (Đẳng minh, Thần hậu, Đại-cát) đã làm vào cung tỵ là một trong bốn cung tứ tượng (tỵ, ngọ, mao, dậu) thần đã làm vào tượng tức là quẻ đã thành rồi, thấy chỉ việc tìm công thức « Đẳng minh làm tỵ » đoán quyết tốt, xấu, lành, dữ.

Người thứ hai

Vẫn trong giờ đó, thầy xem cho người thứ hai, khởi cần tìm Nguyệt tượng, Nhật thần, Thời thần như trên.

Theo công thức biến dịch : « Âm tiến tam, dương thoái ngũ »

Thế nào là âm tiến tam ? Căn cứ vào quẻ thứ nhất, nếu ngôi tam thần làm vào cung Mão hay cung Dậu, tức là hai cung âm, thì tính thuận tiến lên ba cung nữa. Thí dụ : Ngôi tam thần làm vào cung mao là âm, tiến lên ba cung, tiến 1 là thìn, tiến 2 là tị, tiến 3 là ngọ; ngay cung ngọ, khởi Thiên cương (di thuận) Thái ất ở Mùi, Thăng quang ở Thân, Tiểu cát ở dậu, Truyền-Thống ở tuất, Tông khởi ở hợi, Hà-khởi ở tỵ, Đẳng minh ở Sửu, Thần hậu ở Dần, (2 ngôi này tuy là ngôi tam thần; nhưng làm vào cung Sửu, cung dần ; không phải là vị trí của tứ tượng là tỵ, ngọ, mao, dậu. Cho nên còn phải tính tới nữa). Đại cát ở mao, đến đây là quẻ Đại cát làm mao đã thành rồi không phải tính thêm nữa.

Nếu tam thần làm vào cung dậu, cũng là âm, thì : tiến một là tuất, tiến 2 là hợi, tiến 3 là tỵ, thấy khởi Thiên cương ngay ở cung Tỵ, Thái ất Sửu, Thăng quang dần, Tiểu cát mao, Truyền-tống thìn, Tông khởi tị, Hà khởi ngọ, Đẳng minh mùi, Thần hậu thân, Đại-cát dậu. Đến đây là quẻ Đại cát làm dậu đã thành rồi không phải tính thêm nữa.

Thế nào là dương thoái ngũ : Căn cứ vào quẻ thứ nhất, nếu ngôi tam-thần làm vào cung tý hay cung ngọ, tức là hai cung dương. Thí-dụ : Ngôi tam-thần làm tý, là cung dương, thì phải lui về năm cung : lui 1 là hợi, lui 2 là tuất, lui 3 là dậu, lui 4 là thân, lui 5 là mùi, ngay cung mùi khởi Thiên-cương (đi thuận), thân Thái-ất, dậu Thăng-quang, tuất Tiểu-cát, hợi Truyền-tống, tý Tông-khởi, Sửu Hà-khởi, dần Đăng-minh, mao Thần-hậu, đến đây là quẻ Thần-hậu làm mao đã thành rồi, không cần tính thêm nữa.

Lại như quẻ thứ nhất, ngôi tam-thần làm vào cung ngọ, tức là dương, thì phải lui lại năm cung : lui 1 là tị, lui 2 là thìn, lui 3 là mao; lui 4 là dần, lui 5 là Sửu, ngay cung Sửu, khởi Thiên-cương (đi thuận) dần Thái-ất, mao Thăng-quang, thìn Tiểu-cát, tị Truyền-tống, ngọ Tông-khởi, mùi Hà-khởi, thân Đăng-minh, dậu Thần-hậu, đến đây là quẻ Thần-hậu làm dậu đã thành rồi không cần tính thêm nữa.

Người thứ ba

Căn cứ vào quẻ thứ hai để lập quẻ thứ ba, xem ngôi tam-thần ở quẻ thứ hai, làm vào cung âm, thì y theo công thức, âm tiến tam, tiến lên ba cung khởi thiên-cương, đi thuận cho đến tam-thần làm vào tứ-tượng, như đã diễn ở trên.

Nếu ngôi tam-thần ở quẻ trước làm vào cung dương, thì y theo công-thức: dương thoái ngũ, lui lại năm cung, khởi Thiên-cương, đi thuận cho đến Tam-thần làm tứ-tượng, như đã diễn ở trên.

Giá đoán Mạnh, Trọng, Quý:

Hỏi việc	Người thứ 1 MẠNH	Người thứ 2 TRỌNG	Người thứ 3 QUÝ
Được hay không?	Được chậm	Được ngay	Không được
Vui hay buồn?	Lo buồn	Mừng vui	Vô sự
Người ra đi?	Đi gần	Đi xa	Về đến nửa đường
Xem bệnh?	Thiên thần	Đại Thần	Ôn dịch thần
Xem bệnh?	Thiên thần	Địa Thần	ông, bà, cha, mẹ
Xem bệnh?	Cha	Mẹ	Anh, em, ông, bà
Xem bệnh?	Bên nội	Bên ngoại xa	Bên ngoại
Đồng tiền dậy?	Ngửa	Nghiêng	Sấp
Trong bát nước	Chìm	Nổi	Lửng lơ
Màu sắc gì?	Trắng	Đen	Biếc, tím

Xem Cầu tài đoán ngày, giờ theo Mạnh, Trọng, Quý:

Mạnh (Đằng-minh) ngày giờ tam-hợp : hợi, mão, mùi.

Cầu tài ứng ngày : 1, 5, 7.

Trọng (Thần-hậu) ngày giờ tam-hợp : Dần, ngọ, tuất.

Cầu tài ứng ngày : 2, 4, 8.

Quý (Đại - cát) ngày giờ tam-hợp : tị, dậu, Sửu.

Cầu tài ứng ngày : 3, 6, 9.

Nếu xem có tài hay không, xin coi bài đoán bên dưới.

Công-thức : VỀ NĂM MÙA THUỘC NGŨ-HÀNH.

Năm mùa	Vượng	Tương	Tù	Hưu	Tử
Mùa XUÂN Tháng 1, 2	Mộc	Hỏa	Kim	Thủy	Thổ
Mùa HẠ Tháng 4, 5	Hỏa	Thổ	Thủy	Mộc	Kim
Mùa THU Tháng 7, 8	Kim	Thủy	Hỏa	Thổ	Mộc
Mùa ĐÔNG Tháng 10, 11	Thủy	Mộc	Thổ	Kim	Hỏa
Bốn cuối mùa Tháng 3, 6, 9, 12	Thổ	Kim	Mộc	Hỏa	Thủy

Sinh mình là hưu, mình sinh là Tương, khắc mình là tù, mình khắc là tử, đồng chất với mình là vượng.

Cách này dùng để coi quẻ lâm vào tứ-tướng (Bốn cung tý, ngọ, mão, dậu). Để chỉ vào mình là nội (trong).

Tam-thần là: Đàng-mình, Thần-lậu, Đại-cát là ngoại (ngoài)

Khi xem quẻ dộn, phải biết thuộc về mùa gì ? mình đối với mùa ấy, hay mùa ấy đối với mình, được vượng, tương, hay phải hưu, tù, hay là tử, để đoán xem quẻ dộn ấy tốt hay xấu.

Công-thức : ĐÀNG-MÌNH LÂM TÝ.

Trong thủy là Khảm, ngoài mộc là Chấn, quẻ Chu-dịch là Lôi-thủy giải, giải: nghĩa là giải tán, chủ trong sinh khách ngoài, xấu. Mùa Xuân bình thường, mùa hạ tốt, mùa thu xấu, mùa đông không lợi. Tương quẻ: xuân-lôi hành vũ : (sấm đầu mùa

xuân làm mưa) ý đoán lo buồn đã tiêu tan, vui mừng đang nảy nở, thái sản sinh con trai, người ra đi và khách chưa đến nhà, mắt của người đàn ông lấy ở mặt đông-nam tìm mau sẽ thấy, cầu quan sẽ thành, hôn nhơn sẽ xong, bệnh hoạn không chết lễ cầu 3, 4 ngày sẽ khỏi.

THƠ ĐOÁN :

Hạng-vũ ngày xưa đánh nước Tần?
Hầm-hè chẳng chịu nghĩ thương dân.
Một mai ngất trở sông Giang-hán.
Vài trận thua luôn mất hết quân.

DIỄN CA :

Đặng-minh làm tỵ nêu đầu,
Trong thủy ngoài mộc lễ hầu tương xinh,
Quê Lôi-thủy-giải chẳng lành,
Tượng lo hầu hết nay đành hỷ sinh,
Hán-vương Hạng-vũ giao binh,
Nhờ thầy Viên-tử thủ thành độn cho,
Toán rằng: họ Hạng sẽ thua,
Quẻ dạy chép đề đem chua sử vàng,
Hành-nhân và khách nhờ nhàn,
Mưu cầu sự việc sẵn sàng sẽ nên,
Cầu quan thì được nhắc liền,
Hôn-nhân đẹp lứa bách niên tuổi già,
Mắt của nam-tử lấy ra,
Đông-nam tìm gặp của ta thấy liền,
Bệnh-hoạn trầm-trọng triển-miên,
Kíp đi cầu-lễ khẩn-nguyên mau qua,

Công-thứ ĐẶNG-MINH LÂM NGỌ.

Trong hỏa là Ly, ngoài mộc là Chấn, quẻ Chu-dịch là: Lôi-hỏa-phong, Phong nghĩa là: thịnh và đầy-dủ, ngôi khách ở ngoài sinh ngôi chủ ở trong, Tốt. Mùa Xuân bình-hòa, mùa Hạ rất tốt, mùa Thu xấu, mùa Đông trung bình.

Tượng quẻ : Nhật lệ trung thiên cách. (Mặt trời sáng đẹp ở giữa trời).

Ý đoán : Đang ở nơi tối-tăm được ra chỗ ánh sáng, thai-sinh: đẻ con trai, người xuất ngoại sẽ về đến nhà, xuất-hành được bình-an, buồn bán được bảo-dảm chắc-chắn, trộm giặc sẽ xuất-hiện, hôn-nhân yên-lành, kiện-cáo hòa-huân, cầu-tài có lợi, cầu quan sẽ được bệnh-hoạn không chết, mất của người dân bà lấy đem về phương Nam, tìm ngay còn thấy.

THƠ ĐOÁN :

Hoàng-công thừa trước dộn Trang-chu,
Lạ-lẫm cho nên sự ngại lo,
Vững chí theo phò vua nước Hán,
Lập nên công lớn được phong to.

DIỄN CA :

Dăng-minh làm ngo cho mình,
Trong hỏa, ngoại mội tương-sinh quẻ này,
Quẻ Lôi-hỏa phong bằng nay,
Phong là thịnh đủ cho hay sự-tinh,
Trung thiên nhật lệ cát trình,
Quẻ rằng: nội ngoại tương-sinh tốt lành,
Kỳ-thiên quốc-bảo rành-rành,
Muôn dân vui-vẻ lập-tành xướng ca,
Cầu quan tước-lộc vinh-hoa,
Cầu-tài thì được đề-da tiền tài,
Hôn-nhân tốt-đẹp cả hai,
Thai-sản sinh dặng con trai đề huề,
Người ra đi chữa có về,
Bệnh-hoạn không chết tề-mê lâu ngày.

Công-thức : DĂNG-MINH LÀM MÃO.

Trong mội ngoài mội, là bát thuần Chấn, quẻ Chu-dịch là Chấn-vi-lôi, Chấn nghĩa là: Kinh động (kịch-sợ động-đặc) quẻ này thuộc tháng sáu.

Tượng quẻ: Kinh-dộng-bách lý (kinh-hải động-dục trâm dạm).

Ý-đoán: Có tiếng mà không thấy hình, ngày xưa ông Lý-Tĩnh chơi núi Bồng-lai nhờ ông Hoàng-Thạch-Công độn cho, được quẻ này.

Bệnh-hoạn đầu nguy nhưng không chết, thai-nghén sinh con trai, tranh-tụng đắc lý, người ra đi chưa về, hiện đang đi đường bình-an, khách không đến chơi, cầu tài không có tài, cầu quan lộc bị trở ngại; hẹn người, người thất tín, hôn-nhân giả thú không nên; xuất-hành không nên đi, mọi việc trước khó-khăn ngang trở, sau vất-vả mới thành, mắt của nên tìm mặt chính Đông, người dân-bà độc-thân lấy.

THƠ ĐOÁN:

Hai đoạn gặp-ghềnh ngóng đợi Xuân,
Hoa mai núi Sầu nhớ Đông-quân,
Đôi bên gặp gỡ bao mừng tủi,
Muôn dạm chia ly biết mấy lần.

DIỄN CA:

Đặng-mình làm mảo lại bàn;
Trong ngoài hai một giao hoan lý-hòa,
Lý suy trong quẻ luận ra,
Bất-thuần-chấn quái ấy là hải-kinh,
Tượng quẻ có tiếng không hình,
Lý-tĩnh thích tình chơi cảnh Bồng-lai,
Nhờ Hoàng-thạch độn một bài,
Quẻ đoán nữ hải, trắc-trở gian-ngoan,
Cầu quan thì chưa được quan,
Cầu tài chưa có, không hoàn lại không,
Hôn-nhân chênh-mảng vợ chồng,
Hành-nhân còn dở chưa xong trở về,
Bệnh nguy sinh-mệnh chẳng hề,
Hôn-mê trâm-trọng có bề hiểm-kinh,

Hẹn người thất-tín với mình,
Khách không tới viếng ra tình thờ-ơ,
Việc làm lẫn-quần trông chờ,
Trước ngang sau thuận có cơ lại thành,
Đường xa xin chờ xuất-hành,
Khỏi lo trắc-trở hãi-kinh sau này.

Công-thứ : ĐĂNG-MINH LÂM DẬU.

Trong kim là Đoài, ngoài mộc là Chấn, quẻ Chu-dịch là : Lôi-trạch quy-muội, muội nghĩa là : Tội-lỗi. Trong khắc ngoài Xấu.

Quẻ thuộc tháng hai : Mùa Xuân : xấu. Thu và Đông về cuối mùa nên : Tim-ần nghỉ ngơi.

Tượng quẻ : Phù vân tế nhật cách (mây kéo khuất mặt trời).

Ý đoán : Âm, dương không giao-hòa. Thai-sản sinh con trai, người y hẹn đang đến, mưu cầu sự gì sẽ có tin, mất cửa, người lấy đem về phương Tây, không tìm thấy, cầu quan không thành, quan-tụng dắc lý, người đang đi đường tốt lành, vợ chồng cách trở chia-ty, hôn-nhân trở-ngại khó-khăn, bước chân ra đi không trở lại, nhà không có khách.

THƠ ĐOÁN :

Vũ-Vương đánh Trụ trừ tàn-bạo,
Ân-trụ than thân việc tại trời,
Đau biết lòng dân đang oán-ghét,
Nên khi làm bĩ phải thiệt thời,

DIỄN CA :

Đăng-minh lâm dậu tương hình,
Trong kim ngoài mộc ra tình khắc-thương,
Lôi-trạch quy-muội dã tương,
Phù-vân tế nhật âm, dương bất hòa,
Trong kim ngoài mộc khắc ra,
Muội là mặt vụn, để ta xem tượng,

Hẹn người đang đến nửa đường,
Mưu toan việc lớn ta thường được tin,
Quan-tụng đắc-lý bình yên,
Cầu quan chưa đạt, bạc tiền chưa thông,
Hôn-nhân xa cách vợ chồng,
Dầu lo cho được cũng không lâu bền,
Đi đường hai chữ bình-yên,
Thất-tài không thấy cho nên thiệt-thời,
Hành-nhân sao chẳng phản-hồi,
Vì chưng cách trở đôi nơi không thành,
Bệnh-hoạn thân được nguyên-lành,
Yếu đau mòn-mỏi mặt xanh da vàng.

Công-thức : THẦN-HẬU LÂM TÝ.

Trong thủy là Khảm, ngoài hỏa là Ly, quẻ Chu-địch là :
Hỏa-thủy vị-tế. Vị nghĩa là : Chưa, mọi việc chưa thành. Trong
khắc ngoài, khi ở ngoài chìm-lặn, khi ở trong không có, Mùa
Xuân, Hạ bình thường, mùa Thu xấu, mùa Đông rất tốt.

Tượng quẻ : Nhập hải cầu châu (viết biển kiếm của báu).

Ý đoán : Trong những sự lo, mong lấy sự vui mừng. Quẻ
Vị-tế, Vị nghĩa là : chưa. Tế nghĩa là : cạn, ý nói : Nước cạn thấy
ngọc châu. Trong khi đang lo buồn mong được sự vui vẻ, Tế
còn có nghĩa là chỗ, là dưới sông dưới nước chỗ bồng thuyền bè.

Thai-sinh con gái, cầu quan được danh vị, cầu tài hẳn được
càng muện càng hay, mất của người phụ-nữ lấy, về phương Đông-
Nam, tìm kịp còn thấy, do những hạn bề lấy trộm, quan-tụng
hỏa-hư, đi đường được bình-an, người hẹn mình sắp có tin,
mưu sự nhờ may được gặp, đi sông nước gặp phong-ba, hành-
nhân chưa về, bệnh-hoạn rất nguy-kịch nhưng được qua khỏi.

THƠ ĐOÁN :

Dức-Không vốn là đấng thánh-nhân,
Khi qua, Trần, Sái phải gian-truân,
Ra đi rủi gặp đòi người nữ,
Than bảo lòng người nở bất nhân.

DIỄN CA :

Thần-hậu lâm tỷ giờ này,
Trong thủy ngoài hỏa trong nay khắc ngoài,
Quê Dịch vị-tế không sai,
Mưu cầu chưa đến vận thời chưa thông,
Đương con lo ngại hãi-hùng,
Muốn mau qua khỏi cho lòng mừng vui,
Tưởng rằng vượt biển xa-xôi,
Đi tìm của báu giữa đời phong-ba,
Chớ chi sông nước thuyền bè,
Đi ra sợ gặp khát-khe ngại-ngùng,
Cầu quan vinh-hiến đỉnh-chung,
Cầu-tài dẫu muôn ta đừng có lo,
Thai-sinh con gái trời cho,
Có đi đường bộ khỏi lo tai nạn,
Mất của phụ-nữ lòng gian,
Đông-Nam đem giấu kíp toan tìm về,
Hành-nhân ngang trở mọi bề,
Bệnh-hoạn không chết nhưng mê tâm thần,
Quan-tụng hòa-giải bình phân,
Sự việc trước xấu sau lành hanh-thông.

Công-thức : THẦN-HẬU LÂM NGỌ.

Trong hỏa ngoài hỏa, quê Chu-dịch là bát-thuần Ly quái, tỷ-hòa, Ly: nghĩa là lệ (sáng chói) soi sáng bốn phương. Mùa Xuân xấu, mùa Hạ tốt, mùa Thu bệnh-hoạn, mùa Đông bất an.

Tượng quẻ: Phi cầm tại vồng (chim đang bay mất lưới) đại-minh tiến thiên (sáng soi khắp trời).

Ý đoán : Đang ở rộng vào hẹp, mặt trời đến ngọ thì sáng khắp bốn phương, thai sinh con gái, cầu tài được lợi nhỏ, cầu quan cách-trở dôi điều, mất của người đàn bà có tuổi lấy, đem về phương Nam, gặp tìm về Đông-Nam còn thấy, sẽ có người đàn bà cho tin, hành nhân còn nhớ việc chưa về được, quan-tụng hòa-hu, sắp có khách đến nhà, bệnh-hoạn nên cầu lễ sẽ khỏi.

THƠ ĐOÁN:

Mãi-Thần nghèo khổ thừa hàn nho,
Quý-cốc tiên tiên-sinh bầm dợn cho,
Tế ngộ phong-vân ngrời gặp vận,
Mai ngày Vinh-hiến khỏi âu lo.

DIỄN CA:

Thần hậu làm ngộ kể ra,
Bất thuân lý quái tỷ-hóa sáng soi,
Lệ-ly dợn quẻ hần hoi,
Phi-cầm tại vớng chim rơi lưới hồng,
Mặt trời soi sáng khoảng không,
Đang rộng vào hẹp, vậy-vùng khó khăn,
Đời xưa thầy Chu-Mãi-Thần,
Bần-hàn quần bách thanh-bần hàn-nho,
Gặp thầy Quý-Cốc dợn cho,
Rằng sau ắt được quan to lộc dày,
Cầu quan, quan chữa đến ngày,
Cầu tài dẫn được lấy may ít nhiều,
Hành-nhân cách trở mọi điều,
Quan-tụng thì được hòa hưu êm-dềm,
Mắt của phụ-nữ lấy êm,
Đông-Nam đem giấu kịp tìm cho mau,
Bệnh-hoạn lễ bái kêu-cầu,
Thai-sinh con gái mai sau vương tròn.

Công-thức: THẦN-HẬU I.ÂM MÃO.

Trong là mộc, ngoài là hỏa, trong sinh ngoài, quẻ Chu-Dịch là: Hỏa-lôi phệ-hạp (nghĩa là ngại-cần). Mùa Xuân xấu, mùa Hạ tốt, mùa Thu rất xấu, mùa Đông chết.

Tượng quẻ: Nhật-trung vi thị (giữa ban ngày họp chợ) thị trung hữu vật (trong chợ có hàng hóa).

Ý đoán: Giữa ngày là nửa ngày mới họp chợ, ý nói muộn và chậm, chợ có hàng-hóa, ý nói: muốn mua gì cũng được, nghĩa là: cầu gì cũng được, thai sinh con gái, cầu hôn

có duyên tiền định, cầu quan được trước lộc, cầu-tài sẽ có tài, quan-túng hòa-hưu, mất của tìm về mặt Đông-Nam còn thấy, sắp có khách đến nhà, xuất-hành tốt, bệnh-hoạn sẽ khỏi không chết, mưu vọng với người ta được tin dùng.

THƠ ĐOÁN :

Văn-Vương thừa trước mộng phi-hùng,
Sông Vị về sau gặp Thái-Công,
Gây-dựng nhà Chu nền thịnh-trị,
Coi-dờ bền-vững với non sông.

DIỄN CA :

Thần-hậu làm mảo kể ra,
Trong mộ ngoài hỏa quả là tương sinh
Hỏa-lôi phệ-hạp cho mình,
Phi-hùng ứng mộng điềm lành hiền-nhân,
Cầu người ắt hẳn đắc nhân,
Cầu tài thì được mọi phần gặp may,
Cầu quan trước cả lộc đầy,
Học trò thi cử trúng ngay bằng vàng,
Thai sinh con gái rõ ràng,
Hôn nhân đôi lứa thiệp chàng duyên ưa,
Bệnh-hoạn như hạn gặp mưa,
Quan-túng mọi việc kiện thừa hoãn-hòa,
Mất của đã mang đi xa,
Đông-Nam giấu dẫy nữa ta tìm về

Công-thức: THẦN-HẬU LÀM DẬU.

Trong là kim, Đoài, ngoài là hỏa, Ly, ngoài khắc trong, xấu. Quả Chu-Dịch là: Hỏa-trạch-Khuê, Khuê, nghĩa là ngang trái, Mùa Xuân tốt, mùa Hạ tốt, mùa Thu bình-hòa, mùa Đông, Xấu.

Tượng quả: Mãnh-hổ hãm tỉnh (hùm thiêng xa hổ) nhị nữ đồng cư (hai gái ở chung một nhà)

Ý đoán : Càng thịnh, càng hay, lại càng phải đề-phòng, có khi bị sụp-đổ, hai người cùng một hoàn-cảnh, cần phải đề-phòng lúc ghen-ghét nhau, thai sinh con gái, cô người bạn thân đang muốn giở trò tà-dâm, hành-nhân đi đường tốt, sắp về đến nhà, bệnh-hoạn thập-tử nhất-sinh, cầu tài sẽ được, mất của người đàn ông lấy, đem về ở mẹ Tây-nam, quan-tụng hòa giải êm, sĩ-tử đi thi-cử, đậu, cầu quan thi được ngay, nhưng sau không hay, buồn bán tốt có lời.

THƠ ĐOÁN :

Tương-Như thừa trước sứ qua Tần,
Bao quẩn gian-nan một tấm-thần.
Vẹn tiết vẹn trung đời mấy kẻ,
Tối hiền muôn thừa gặp vua nhân.

DIỄN CA :

Thần-hậu làm đậu kẻ xong,
Trong kim ngoài hỏa, ngoài xung-khắc vào.
Khử thì ngang trái biết bao,
Hầm thiêng sa hổ làm sao tung-hoành.
Đời gái cũng ở không dành,
Cầu quan ắt được, sau thành gian-nan.
Thai sinh con gái hồng-nhan,
Giao du gặp bạn những toan dâm-loàn.
Cầu tài tiền của vẹn-toàn,
Hành-nhân nay mới sắp toan ra về.
Khoa-danh bằng hổ tên đề,
Quan-tụng vừa được giải huê đời bền.
Đi đường mọi sự bình-yên,
Ổm-dau trầm-trọng triều-miền đêm ngày.
Qua cầu may gặp được thầy,
Tĩnh trong cung số đến nay vương-tròn.

Công-thức: ĐẠI-CÁT LÂM TÝ

Trong thủy Khảm, ngoài kim Đoài, trong sinh ngoài: tốt.
Quẻ Chu-Dịch: Trạch-thủy-khôn, khôn nghĩa là: nguy-khốn.

Tượng quẻ: Hà trung vô thủy (trong sông không có nước).

Ý đoán: Sông không có nước thì không chở được thuyền, cho nên thuyền mắc cạn, Cầu-cạch mọi việc: khó-khăn lúc đầu, sau rất tốt, thai sinh con gái, quan-tụng đắc lý, mất của người con trai ở phương Bắc đến lấy, rồi mang sang phương Đông-Bắc, chủ và khách giao-tiếp một lòng tin cậy nhau, cầu quan: trước bị trở-ngại khó-khăn, sau được quyền cao chức trọng, hành-nhân cách-trở không về, hôn-nhân giá-thứ: trước ngang-quải sau mới thành, cầu tài trước trắc-trở, sau có tài, bệnh-hoạn dần ông bị nặng, dần bà nhẹ.

THƠ ĐOÁN:

Quý-Bố xưa kia khi hoạn-nạn,
Tìm thầy Quý-Cốc dọn cho hay,
Bằng: này khôn-khó thân lao-lý,
Thừa-tướng mai sau hẳn có ngày.

DIỄN CA:

Đại-Cát lâm tỵ kể xong,
Quẻ Trạch-thủy-khôn, thủy trong kim ngoài,
Khốn, là nguy-khốn không sai,
Trước thì trắc-trở, sau thời thành-công,
Khi xưa Hán Sở tranh-hung,
Hán-Vương lâm khốn, Đinh-công dung tình.
Đến khi thiên-hạ thái-bình,
Đinh-công phải tội, gia đình không tha.
Hôn-nhân lời trước sai-ngoa,
Đến sau lại được duyên hòa đẹp đôi.
Quan-tụng đắc lý vẹn mười,
Giao tế chủ khách hai người cậy tin.

Cầu tài muộn mới có tiền,
Hành-nhân ngang-trở cho nên lỡ đường,
Mất cửa trai ở bắc phương,
Đem sang Đông-Bắc tỏ tường ta theo,
Mưu-cầu trước chịu túng nghèo,
Thời sau mới được mọi chiều hiền-vinh,
Thai-sản con gái trời sinh,
Bệnh trai thì nặng, gái bình phục mau.

Cộng-thứ : ĐẠI-CÁT LÂM NGỌ.

Trong hỏa Ly, ngoài kim Đoài, trong khắc ngoài thì trong
thịnh, mùa Xuân xấu, mùa Hạ bình-thường, Thu, Đông khá.

Quẻ Chu-Dịch : Trạch-Hỏa-Cách, cách là : cải-cách,
thay-dổi.

Tượng quẻ : Cần biến vì hồ (chó đội lột hàm).

Ý đoán : Cải cụ tông lân (thay cũ đổi mới) thai-sinh
ra con gái, cầu quan được tước vị, cầu tài ắt được tài, có tin
nhà sắp đến, tìm người sẽ gặp, tranh-lụng hóa-lưu, mất cửa :
người thiếu-nữ ở phương Tây-Bắc lấy, trao cho đồng bọn đem
về phương Nam, có khách hạn thân sắp đến chơi, hôn-nhân
tốt đẹp. Người bệnh nên kêu cầu mau khỏi.

THƠ ĐOÁN :

Bàn-Canh thừa trước lúc gian-truân,
Lửa nóng nước sôi khốn khổ dân.
Quỷ Cốc dọn cho rằng quẻ tốt,
Thái-bình thịnh-trị chính lệnh tân.

DIỄN CA :

Dại-Cát lâm ngo quẻ này,
Ngoài kim trong hỏa khắc ngay quẻ ngoài.
Quẻ Trạch-hỏa cách dẫu sai,
Cách là thay đổi ra hai sự tình.

Công-môn hòa-hoãn tụng-định,
Bạn thân sẽ đến thăm mình sớm hôm.
Cần tài có lợi hán buồn,
Tim người thuận gió xuôi buồm thấy ngay.
Cần quan gặp được vận may,
Thai sinh con gái mai ngày dầm đang.
Mất cửa thiếu-nữ Bắc phương,
Lấy giao đồng bọn tìm đường sang Nam.
Cầu hôn gieo ngọc ruộng Lam,
Duyên may Từ-Thức tiên phàm kết đôi.
Bệnh-hoạn cầu khẩn đất trời,
Trong năm ba bữa thì người kiện-khang.

Công-thứ : ĐẠI-CÁT LÂM MÃO.

Trong mộc : Chấn ngoài kim : Đoài, ngoài khắc trong,
trong thịnh ngoài động.

Quẻ Chu-Dịch : Trạch-lôi-tùy, Tùy là : thuận theo.

Tượng quẻ : Thuận thủy thời xa (xuôi nước chảy xe).

Ý đoán : Thợ giỏi giữa ngọc, kiên gan bền chí, mọi việc sẽ thành, thai-sinh con gái, cầu tài thấy ngay, nhưng không được bền lâu, sắp có khách đến nhà chơi, vui mừng chào đón, xuất-hành bị ngăn-trở vì quan-quân, hôn-nhân trước ngang trở sau thuận-hòa, Mất cửa nên tìm mặt Đông, người ngoài đến lấy, tranh-tụng đuổi lý nhưng được hòa, bệnh-hoạn : Mùa Thu mắc bệnh nặng, chết, mùa Xuân, mùa Hạ bệnh nhẹ, sống, kịp mau cầu-khẩn, bệnh nguy kịch thập-tử nhất-sinh, cầu quan gặp may, mưu vọng sự vụ gì cũng khó thành.

THƠ ĐOÁN :

Tôn-Tân đem quân đánh nước Tần,
Lời thầy Quỷ-Cốc dộn như thần,
Toàn quân thắng trận danh vang động,
Có phúc trời cho lại có nhân.

DIỄN CA :

Đại-Cát làm mảo dọn tìm,
Trong mọc là Chấn, ngoài kim là Đoài,
Thịnh bên trong, động bên ngoài,
Trạch-lối-tùy quẻ không sai dầu mà,
Tượng rằng thuận thủy thời xa,
Bền lòng vững chí công ta mới thành,
Thai-sinh con gái tốt lành,
Cầu tài dẫu được nhưng đành giảm đi,
Xuất hành ngăn trở quan-ty,
Bận thân tự đến kẻ chi đón mời,
Hôn-nhân trước đã đơn sai,
Rồi sau đẹp lứa duyên hải nguyên-trung,
Mất của tìm mất đồng phương,
Lòng tham trộm cắp là phướng ngoại nhân.
Bệnh-hoạn nguy kịch bội phần,
Thu bệnh thì khốn, Hạ Xuân thì lành,
Cầu quan : danh toại công thành,
Quan-tụng thất lý ta đành hòa-hưu.

Công-thức : ĐẠI-CÁT LAM DẬU.

Trong kim ngoài kim tỷ-hòa, Quẻ Chu-Dịch là : Bát-thuần Đoài, đoài là: duyệt (nghĩa là đẹp lòng) mùa Xuân, mùa Thu tốt, mùa Hạ, mùa Đông rất xấu.

Tượng quẻ: Thiên giáng vũ trạch (trời xuống mưa nhũn).

Ý đoán: Trời sinh trời dưỡng, Hễ hết lại có, hồ vơi lại đầy, thai-sinh con gái nhưng chậm sinh, mất của khó tìm, nếu có phụ-nữ đến báo tin sẽ thấy, việc mất của: do người đàn bà lấy rồi đem về mặt Tây-Bắc, cầu quan: sự bình-thường

trắc-trở, tranh-tụng không có lỗi, cầu tài buôn bán không có
lỗi, mình hẹn người không đến, mưu vọng không thành, xuất-
hành mắc khách lại chơi, bệnh-hoạn mê-loạn, nguy-khốn, qua
mùa Thu sẽ khỏi.

THƠ ĐOÁN :

Đường-Tăng, Hành-Giả thừa cầu kinh,
Khi đến nửa đường mắc quỷ-tinh,
Tram đẳng ngàn cây đường vạn dặm,
Thành-công cũng bởi tại lòng mình.

DIỄN CA :

Dại-Cát làm dạo dòn này,
Song kim nội ngoại quẻ nay tỷ-hòa,
Bất-thuần đoái quái không ngoa,
Đoài là vui-vẻ người ta đẹp lòng.
Tượng rằng : rừng, núi, hồ, sông,
Cà mong nước cả, cây mong mưa nhuần,
Cầu quan chưa được dượng ân,
Cầu tài buôn bán khó phần lời thêm,
Mưu-vọng công việc chưa êm,
Bệnh-hoạn mắc phải nặng đêm nhẹ ngày,
Phải mau cầu thánh tìm thầy,
Cơm ăn thuốc uống nữa may yên lành,
Xuất-hành khách đến gia đình,
Tranh-tụng không lợi cho mình về sau,
Thai-sinh con gái không mau,
Hẹn người không đến, việc hầu không xong,
Mất cửa tìm-kiếm tổn công,
Phụ-nữ có mách mới mong tìm về.

THIÊN-CƯƠNG TAM-TỰ QUYẾT

BẢNG TÌM CHỮ, THEO THỮ-TỰ A B C

A An ninh. 12 B Bán buôn. 13 Bán mua. 43 Bán ra. 48 Bạn ta. 10 Búng quay. 55 C Cầu quan. 11 Chiêm bao. 21 Chiều trời. 30 Cổ tri. 49 Cửa quan. 36 D Dở hay. 44 Đ Đào sinh. 1 Đẻ gậy. 56 Đêm hôm. 18 Đi chơi. 16 Đi thuyền. 26 Đi tìm. 25 Đổi trao. 34 Động yên. 41	G Gần xa. 47 Gặp người. 8 Gặp quan. 6 Ghét yêu. 40 Giặc hung. 7 H Hành nhân. 32 L Lạc đường. 5 M Máy mắt. 51 Mượn tiền. 14 N Nắng mưa. 28 Ngục tù. 23 Người nào. 39 Người về. 17 Nhân duyên. 38 Nóng mặt. 37 P Phật trời. 42 Q Quái xà. 20 Qua sông. 46	R Rượu trà. 52 S Sắc màu. 54 T Tạnh mưa. 29 Thai sinh. 22 Thấp cao. 57 Thất tài. 15 Thấy tin. 3 Theo người. 2 Thù xưa. 9 Tìm người. 33 Tìm thuyền. 4 Tìm tiền. 31 Tỉnh mê. 27 Trộm vào. 24 Tử sinh. 45 U Ủ tai. 19 V Vật dờ. 53 Với người. 35 X Xuất hành. 50
---	---	--

Để tiện tra tìm, bảng này kê 57 mục, coi các việc, ở trong phần :

THIÊN-CƯƠNG TAM-TỰ QUYẾT

Muốn coi việc gì, thì theo vần A B C, với số tiêu-mục ở dưới hàng.

THIÊN-CƯƠNG TAM-TỰ QUYẾT

Phép này, chỉ tìm ngôi THIÊN-CƯƠNG, xem làm vào cung nào? rồi căn-cứ vào chỗ: Thiên-Cương gia-mạnh, gia-trọng, gia-quý dễ quyết-đoán tốt, xấu.

Phép tính dễ tìm Nguyệt-tướng, Nhật-thần, Thời-thần và khỏi ngôi Thiên-cương, theo cách-thức: ở trên đầu Phần II Lạc-Nhâm Đại-dộn, dễ tìm được Mạnh, Trọng, Quý thì quả đã thành, chỉ việc tìm bài ca thuộc về việc gì mà đoán, mọi việc không sai.

1^o) — Đào-sinh :

Độn coi một quả Đào-sinh:
Thiên-cương gia-mạnh biết mình bình an,
Trọng thì bán lộ, nhi hoàn,
Trốn đi không khỏi người còn thấy ta,
Quý thì đã sắp đến nhà,
Làng quanh tìm bắt liệu ta tặc vờ,

2^o) — Theo người :

Độn coi một quả theo người:
Gặp chẳng chẳng gặp biết chơi sự đời,
Mạnh thì theo kịp tức thời,
Trọng thì ta sẽ gặp nơi giữa đường,
Quý thì lạc-lông đây cương,
Không theo kịp hát, biết phương nào tìm.

3^o) — Thấy tin :

Độn xem một quả thấy tin;
Cho mình hư, thực, cho yên nổi lòng,
Mạnh thì nói dối là không,
Trọng là sự thực có trong nội tình,
Quý thì tin thực phân-minh,
Ngày hai ắt thấy, lòng mình sẽ yên.

4o) — Tìm thuyền :

Độn coi một quẻ tìm-thuyền :
Biết chẳng chẳng biết cho yên tấm lòng,
Mạnh thì còn dậu bên sông,
Trọng thì thuyền đã thay vùng đổi nơi,
Quý thì buồn thuận gió xuôi,
Theo không có kịp ta hồi quê-hương.

5o) — Lạc đường :

Độn chơi một quẻ lạc đường :
Ngã ba ta biết đi phương nào đây,
Mạnh thì tay trái đường ngay,
Trọng thì đường giữa nẻo này hẳn thông,
Quý thì tay mặt ta đông,
Đường theo nẻo dưới mới mong an-toàn.

6o) — Gặp quan :

Độn coi một quẻ gặp quan :
Người lành hay dữ cho an tấm lòng,
Mạnh thì là đấng anh-hùng,
Lòng người khấn-khấn lạnh lùng hiềm ta,
Trọng thì xử sự ôn-hòa,
Quý thì mừng-rỡ một nhà vui chung.

7o) — Giặc hung :

Độn xem một quẻ giặc hung :
Có hay không có dễ cùng liệu đây,
Mạnh thì giặc đi đã chầy,
Trọng thì quân giặc khi nay ở lý,
Quý thì giặc đến tức thì,
Liệu cơ mà tránh kẻ khi oan đời.

8°) -- Gặp người :

Độn xem một quẻ gặp người :
Hiền, ngu, lành, dữ đoán lời phải chẳng,
Mạnh thì quan, lại, nhỏ, lằng,
Trọng thì gian-khách cho rằng thường nhân,
Quý thì đạo-tặc cơ-bản,
Hay người quán-Sở lâu-Tần dong đưa.

9°) -- Thủ xưa :

Độn xem một quẻ thủ xưa :
Kẻ gây hiềm-khích đây đưa oán-hôn,
Mạnh thì thủ-oán vẫn còn,
Trọng thì ác khẩu nhưng còn hiền tâm,
Quý thì gian giảo thâm chằm,
Khàng-khăng một mực những chằm phiền-hà.

10°) -- Bạn ta :

Độn chơi thăm viếng bạn ta :
Doán coi cho biết có nhà hay không,
Mạnh thì chủ khách hoan phùng,
Giương vui ngoài mặt nhưng lòng chẳng ưa,
Trọng thì chào hỏi mời thưa,
Rượu trà khoản-dãi say-sưa thân-tình,
Quý thì chủ khách xem khinh,
Ngoài mặt vồn-vã trong hình lâu-nhan.

11°) -- Cầu quan :

Độn coi một quẻ cầu quan :
Đến người, người sẽ hỏi-han thế nào ?
Mạnh thì hấn gặp quan cao,
Song le ngang trở bối hào vợ con,
Trọng thì giáp mặt cao nhan,
Ban quyền phong chức hàn-hoàn trong đời,

Khảo-thí chiếm được khoa-khôi
Vũ-môn ba bậc đến nơi hóa rồng,
Quý thì xin chớ có hồng,
Treo người tổn của mất công tức mình,

12°) -- An ninh :

Độn xem gia-sự an-ninh :
Đoán coi sự vật gia-dình thê-nhi,
Mạnh thì êm-đẹp mọi bề,
Trọng thì khánh-hỷ đề huề mừng vui,
Quý thì duyên hãm vận sui,
Hại người hại của lửa thui trộm lừa.

13°) — Bán buôn :

Độn coi một quẻ bán buôn :
Đoán ra cho biết kẻ ngoan người tài,
Mạnh thì mua một bán hai,
Buôn may bán đắt tiền lời vạn thiên,
Trọng thì bán lẻ bon-chen,
Bán hàng lắm truyện cho nên bạc lòng,
Quý thì đi lại về không,
Bán buôn khốn khó, đừng mong lợi-quyền.

14°) — Mượn tiền :

Độn coi một quẻ mượn tiền :
Vì ta thiếu vốn cho nên tìm người,
Mạnh thì ta hỏi dặt lời,
Người hiền cho mượn tin nơi lòng mình,
Trọng thì khéo nói mới thành,
Của cho mình tạm phải sanh tiền lời,
Quý thì nói chỉ phí nhời,
Đi không thì lại về rồi lại-giai.

15°) — Thất tài :

Độn xem một quẻ thất-tài;
Thấy chàng thì kiếm kéo hoài công ta,
Mạnh thì của mất đi xa,
Trọng thì tìm thấy nhưng mà chậm lâu,
Quý thì của mất đi dầu,
Tự-nhiên tìm đến ta mau tìm tới.

16°) -- Đi chơi :

Độn coi một quẻ đi chơi;
Ta đến nhà người người có nhà chẳng?
Mạnh thì ta gặp liền mừng,
Trọng thì đi đến lưng chừng gặp nhau,
Quý thì đi khỏi đã lâu;
Dầu ta có đến, ta ầu trở về.

17°) -- Người về :

Độn chơi một quẻ người về;
Bao giờ mới trở lại quê nhà mình,
Mạnh thì còn chữa hồi trình,
Ở dầu vẫn dấy như hình vắng tin,
Trọng thì hai chữ bình-yên,
Giữa đường, đang trở lại miền quê hương,
Quý thì đang mãi dặm trường,
Nay mai sẽ đến bằng đường sớm hơn,

18°) — Đêm hôm :

Độn xem một quẻ đêm hôm;
Trọ nhà khách diêm, hàng cơm, lữ hành,
Mạnh thì mọi sự thông ban,
Trọng thì chủ khách trở thành tương thân,
Quý thì đạo-tặc bất-nhân,
Đêm hôm gìn-giữ ân-cần chớ sai

19º) — Ủ tai :

Độn xem một quẻ ủ tai ;
Cát hung cho biết để mai giữ mình,
Mạnh thì điềm tốt phân-minh,
Sẽ có tin đến gia-dinh chẳng lâu,
Trọng thì khách đến khẩn cầu,
Quý thì hoạn-nạn ta mau giữ nhà.

20º) — Quái xà :

Độn xem một quẻ quái-xà ;
Điềm lành hay dữ trong nhà cho mình,
Mạnh thì có sự chẳng lành,
Trọng thì rắn dới nó rình mỗi ăn.
Quý thì nội thuộc tông-thân,
Bà cô ông-mãnh đã lần dòi khao.

21º) — Chiêm bao :

Độn xem một quẻ chiêm-bao ;
Điềm lành hay dữ thế nào cho hay,
Mạnh thì hung dữ đến ngay,
Tai ương hoạn-nạn ta nay coi chừng,
Trọng thì có sự vui mừng,
Quý thì vô sự xin đừng hãi-kinh.

22º) — Thai sinh :

Độn xem một quẻ thai sinh ;
Rằng trai hay gái cho mình một lời,
Mạnh thì thai-sản sinh trai,
Trọng thì thai-sản nữ hài cát nhân,
Quý thì sinh dễ khó khăn,
Gặp cơn sản-nạn có phần ưu-tư.

23º) — Ngục-tù :

Độn xem một quẻ ngục-tù ;
Tha hay giam giữ, quan tư thế nào ?
Mạnh thì còn ở lung-lao,

Trọng thì mình xét giấy vào tha ra,
Quý thì đầu tổn tiền ta,
Nhưng còn giam-hãm chưa tha cho nào.

24°) — Trộm vào :

Độn xem một quẻ trộm vào ;
Rằng trai hay gái kẻ nào gian tham,
Mạnh thì kẻ trộm là nam,
Trọng thì bè bạn anh em trong nhà,
Quý thì phụ-nữ gian-tà,
Người trong lấy trộm mang ra êm-dềm.

25°) — Đi tìm !

Độn coi một quẻ đi tìm ;
Của ta nó lấy rồi đem phương nào,
Mạnh, Trọng cùng ứng một hào,
Phương dẫn phương tuất ta vào thấy ngay,
Quý thì phụ-nữ rón tay,
Đem đi giấu kín ai hay sự tình,
Kịp nên dọ hỏi đón dinh,
Có cơ còn thấy của mình vẫn nguyên.

26°) — Đi thuyền :

Độn chơi một quẻ đi thuyền ;
Cát hung lành dữ ta liền đoán chơi,
Mạnh thì sóng gió tức thời,
Trọng thì bão táp nhưng rồi lại yên,
Quý thì sóng gió êm dềm:
Trời quang mây tạnh sóng im bốn bề.

27°) — Tỉnh mê :

Độn chơi thức, ngủ, tỉnh, mê ;
Ta xem cho biết liệu bề tỉnh chơi,
Mạnh thì người vẫn còn ngồi,

Trọng thì nằm nghĩ mé ngoài lơ mơ,
Quý thì thức ngủ ù mờ,
Bốn bề vắng lặng như tờ say-sưa,

28°) — Nắng mưa :

Độn coi một quả nắng mưa ;
Đề mình liệu cách che đũa di đường,
Mạnh thì rông rãi mưa trường,
Trọng thì nắng ráo bằng nhưỡng tạnh dầm,
Quý thì mây gió âm âm;
Rồi trời quang dửng dộn cầm không mưa.

29°) — Tạnh mưa :

Độn đem nay tạnh hay mưa :
Đoán ra cho rõ kẻ chưa được tường,
Mạnh thì mưa gió khác thường,
Trọng thì quang-dắng, bốn phương êm-dềm,
Quý thì mưa gió suốt đêm,
Rạng ngày tạnh ráo lại thêm mát trời.

30°) — Chiều trời :

Độn xem mây gió chiều trời :
Con mưa cơn bão hay thời gió mây,
Mạnh thì gió cả mây dày;
Trọng thì gió lớn, chớp dày, mưa rào,
Quý thì cơn kéo ào-ào,
Rồi sau quang-dắng trắng sao sáng liền.

31°) — Tìm tiền :

Độn coi một quả tìm-liền :
Cầu tài có được ta liền ra đi,
Mạnh thì tài chẳng có chi,
Trọng thì tài vượng, hiểm vì dơi lâu,
Quý thì tài đến rất mau,
Phương Đông tài vượng ta thân bội phần.

32°) --- Hành nhân :

Độn coi biết ý hành nhân :
Bằng đi hay chẳng, ta cần đoán mau,
Mạnh thì người chẳng đi đầu,
Trọng thì bán lộ đã hầu bởi giá,
Quý thì ngay thẳng hiền-hòa,
Không ngần ần ý lộ là phải coi.

33°) --- Tìm người :

Độn coi một quẻ tìm người :
Gặp chẳng chẳng gặp quyết lời cho mình,
Mạnh thì vì nổi bất bình,
Dầu tìm chẳng thấy công trình bỏ đi,
Trọng thì bán lộ hồ-nghi,
Lòng đang nghĩ ngợi người thì gặp ta,
Quý thì lời nói thực thà,
Không tìm thì cũng về nhà chẳng sao.

34°) — Đổi trao :

Độn coi một quẻ đổi trao :
Đổi hên trao đổi hên nào không cân,
Mạnh thì thỏa đáng mười phần,
Trọng thì chủ khách cùng cần cả hai,
Quý thì chênh lệch khôn nài,
Đổi hên thương lượng chẳng ai chịu nhời.

35°) — Với người :

Độn xem mưu-sự với người :
Nên chẳng ta sẽ quyết lời hồ-nghi,
Mạnh thì mọi sự bỏ đi,
Trọng thì mưu-vọng có khi dễ thành,
Quý thì tráo trở loanh-quanh.
Trăm phương ngàn kế nội tình mới an.

36°) — Cửa quan :

Độn xem mắc nạn cửa quan :
Mình làm, hay phải làm oan tội tình,
Mạnh thì tội vạ bởi mình,
Trọng thì bẽ bạn bất bình gây nên,
Quý thì mình mắc oan khiên,
Rồi sau nhờ được ngọn đèn cao-minh.

37°) — Nóng mặt :

Độn xem sao nóng mặt mình :
Đoán coi cho biết sự-tình ngày mai,
Mạnh thì diêm báo nạn tai,
Trọng thì tru khử hỷ lai cấp-thời,
Quý thì có khách lại chơi,
Bổ khi mong nhờ mấy lời hàn-huyên.

38°) — Nhân duyên :

Độn xem một quẻ nhân-duyen :
Châu-Trần hai họ phải nguyên được chăng ?
Mạnh thì ngoài mặt nói năng,
Trong lòng thương nhớ kháng-khăng chẳng dờ,
Trọng thì thấy mặt vui chơi,
Nguồn ăn bề ái dẫy voi sự tình,
Quý thì đen bạc với mình,
Có trăng nên đã phụ tình với sao.

39°) — Người nào :

Độn coi ta tiếp người nào,
Hằng già hay trẻ tài cao hay hèn,
Mạnh thì già cả cao niên,
Trọng thì với tuổi người trên có tài,
Quý thì phụ-nữ không sai,
Có khi niên thiếu cả hai đồng đều.

40°) -- Ghét yêu :

Độn xem người ghét hay yêu,
Đề ta liệu cách liệu điều thì phi,
Mạnh thì người chẳng nề vì,
Trọng hay, vui vẻ người thì thương ta,
Quý thì nhớ hận xưa qua,
Dở yêu dở ghét thì ta liệu liền.

41°) — Động yên :

Độn xem phần mộ động yên,
Hay là bát-sát hoàng-tuyền tử sinh,
Mạnh thì sơn thủy hữu tình,
Đòng con nhiều cháu hiền-vinh sang giầu,
Trọng thì lắm sự lo âu,
Vì chưng đoạn mạch ngang đầu chân-long,
Quý thì thần hợp với vong,
Khí dư chỉ phát có trong một đời.

42°) -- Phật trời :

Độn xem thần, thánh, phật, trời,
Đình, chùa, nghề, miếu, hoặc nơi am-chiền,
Mạnh thì hiền ứng tự nhiên,
Nơi thờ chính vị dân yên thái hòa,
Trọng thì tọa ngự trên tòa,
Ngàn năm hương lửa ân-ca phụng-thờ,
Quý thì đền, miếu tiền sơ,
Đền hương bồ phước, nơi thờ âm u.

43°) - Bán mua :

Độn xem một quẻ bán mua,
Đề ta liệu thế cho vừa hàng buôn,
Mạnh thì lỗ huyệt luôn luôn,
Liệu chiều thu xếp kéo buôn lòng nhau,
Trọng thì mua chậm bán lâu,
Nhà nghề giữ nhịp có dân lãi nhiều,
Quý thì tốt đẹp mọi điều,
Mua may bán đắt lợi nhiều gọn tay.

44°) — Dở hay :

Độn coi bạn dở bạn hay,
Để biết tình nết ta nay chơi bời,
Mạnh thì yêu nết tin người,
Cùng nhau trao đổi một lời làm-giao,
Trọng thì cách-trở xiết bao,
Giáo tình cách-trở làm sao ta bàn,
Quý thì hiếm độc gian-ngoan,
Lừa thầy phản bạn những toan hại mình.

45°) — Tử sinh :

Độn coi bệnh-hoạn tử sinh,
Cát hung lành dữ cho mình một bài,
Mạnh thì bệnh nặng đau hoài,
Trọng thì bệnh nhẹ hết vài bữa sau,
Quý thì lễ-bái kêu-cầu,
Com ăn thuốc uống mới hầu thành công.

46°) — Qua sông :

Độn coi một quẻ qua sông,
Được chẳng chẳng được ta đồng sang đò,
Mạnh thì cách trở hẹn hò,
Trọng thì sông cả gió to khó lòng,
Quý thì đi lại lọt-thông,
Mưu toan cũng được mặc lòng sang qua.

47°) — Gần xa :

Độn coi người trốn gần xa,
Được chẳng chẳng được dặng ta kiếm liền,
Mạnh thì bản-vị y nguyên,
Trọng thì xa tránh dặm nghìn còn đầu,
Quý thì lần trước lần sau,
Chim trời cá nước biết đầu là nhà.

48°) — Bán ra :

Độn coi một quẻ bán ra,
Mạnh thì không gặp khách qua mua hàng,
Trọng thì gặp ách giữa đường,
Chung toan gây lộn sẵn-sàng đánh nhau,
Quý thì hàng đắt bán mau,
Lại may gặp khách ta hầu lo chi.

49°) — Cổ tri :

Độn coi thăm bạn cổ-tri,
Có nhà hay vắng ta đi thăm cùng,
Mạnh thì ngồi nhà thung dung,
Trọng thì đi khỏi ta không gặp người,
Quý thì khách rủ đi chơi,
Dẫu đến không gặp ta thời dạo quanh,

50°) — Xuất hành :

Độn coi ta sắp xuất-hành,
Mạnh thì đại-cát tốt lành gặp may,
Trọng thì họa hoạn không hay,
Quý thì thành sự ta nay biết tình.

51°) — Máy mắt :

Độn coi máy mắt thành-linh,
Mạnh thì tai họa thất kinh bất thần,
Trọng thì sẽ gặp người thân,
Quý có mưu-vọng người cần gặp ta.

52°) — Rượu trà :

Độn chơi đâu có rượu trà,
Mạnh thì không sẵn mình qua ich gì,
Trọng thì trà rượu sẵn y,
Quý thì ta đến tức thì ngồi vô.

53°) --- Vật đồ :

Độn chơi tay nắm có đồ,
Mạnh thì tay mặt nắm vô có rồi,
Trọng tay trái có hẳn loi,
Quý hai tay có đoán lời sai dầu.

54°) - Sắc Mầu :

Độn trong tay nắm sắc mầu,
Đoán chơi cho rõ nơi dầu mầu gì?
Mạnh tay mặt mầu xanh rì,
Cùng mầu trắng-trắng ta thì mở xem,
Trọng trong tay trái mầu đen,
Cùng mầu đỏ-đỏ cũng sen lẫn vào,
Quý thì hai tay tia đạo,
Cùng mầu vàng thắm đoán vào đúng ngay.

55°) - Búng quay :

Độn chơi trong bát búng quay,
Ràng sắp hay giữa ràng nay nghiêng thành,
Mạnh thì nắm giữa tênh hênh,
Trọng thì nghiêng dựa đứng thành ép biên,
Quý thì úp sắp đồng tiền,
Ấy phép phúc-doán ta liền kể ra.

56°) - Dễ gậy :

Độn người dễ gậy trong nhà,
Mạnh thì chiếc gậy ắt thì dễ cao,
Trọng thì gậy dễ làm sao?
Hẳn là nơi thấp ta vào thử chơi,
Quý thì gậy dễ chơi với,
Nghiêng-nghiêng chềch-chềch có sai chút nào.

57°) — Thấp cao :

Độn chơi vật thấp hay cao,
Mạnh thì vật cất trên cao mấy là,
Trọng thì vật thấp là-là,
Quý thì dễ lững đoán ra cho tường.

PHẦN III

LỤC-NHÂM THỜI-KHÓA

BẢN TAY TÍNH LỤC-NHÂM

Ngón trỏ	Ngón giữa	Ngón nhẫn
Lưu-liên	Tốc-hỷ	Xích-khẩu
Đại-an	Không-vong	Tiểu-cát

Phép toán này, khởi tháng giêng vào cung Đại-an, tháng hai cung Lưu-liên, tháng ba cung Tốc-hỷ, tháng tư cung Xích-khẩu, tháng năm cung Tiểu-cát, tháng sáu cung Không-vong, tháng bảy lại vào cung Đại-an, tháng tám cung Lưu-liên, tháng chín cung Tốc-hỷ, tháng mười cung Xích-khẩu, tháng mười một cung Tiểu-cát, tháng mười hai cung Không-vong.

Từ tháng hiện-tại (tháng mình đang bấm dộn) khởi ngày mùng một, tính cho đến ngày hiện-tại (ngày mình đang bấm dộn).

Từ ngày hiện-tại, khởi giờ tý, cho đến giờ hiện-tại (giờ mình đang bấm dộn).

Thí-dụ : Tháng năm, ngày mười lăm, giờ dần, khi mình đang bấm độn ; Vây tháng giêng khởi từ cung Đại-an, (tính thuận đi đến tháng hiện-tại ở cung Tiểu-cát, mình khởi tính ngày mùng một, từ cung Tiểu-cát (đi thuận) 2 Không-vong, 3 Đại-an, 4 Lưu-liên, 5 Tốc-hỷ, 6 Xích-khẩu, 7 lại vào cung Tiểu-cát, 8 Không-vong, tính cho đến ngày 15 là cung Đại-an là ngày hiện-tại.

Ngày cung Đại-an là ngày hiện-tại, khởi tính giờ tý, (đi thuận) sủ Lưu-liên, dần Tốc-hỷ.

Như vậy là : quẻ ứng vào cung Tốc-hỷ, xem quẻ Tốc-hỷ đã lập-thành ở bài đoán dưới, suy ngẫm tốt, xấu, lành, dữ.



SÁU QUẺ LẬP - THÀNH



Quẻ Đại-an

Sao Thanh-long thuộc mộc. Thời-kỷ : Bồn-thân bất-dộng. Mưu-vọng : Chủ con số 1, 5, 7.

THƠ ĐOÁN

Đại-an sự việc cát-xương,
Cầu-tài hăng đến Khôn phương (Tây-nam) mấy là,
Mắt của đem đi chữa xa,
Nếu xem gia-sự cửa nhà bình-yên
Hành-nhân còn vẫn ở nguyên,
Bệnh-hoạn sẽ được giảm thuyên an-tuyền,
Trương-quân cõi giáp quy điền,
Ngẫm trong ý quẻ ta liền luận suy.



Quẻ Lưu-liên

Sao Huyền-vũ thuộc thủy. Thời-kỷ : Bình-linh chưa về (giải-ngũ). Mưu-vọng : Chủ con số 3, 8, 10.

THƠ ĐOÁN

Lưu-liên sự việc khó thành,
Cầu mưu phải đợi thông-hành có ngày,
Quan sự càng muộn càng hay,
Người ra đi vẫn chưa quay trở về,
Mất của phương Nam gần kề,
Nếu đi tìm gấp có bề còn ra,
Gia-sự miệng tiếng trong nhà,
Đáng mừng, thân quyến của ta yên lành.

Quẻ Tốn-hỷ

Sao Chu-tước thuộc hỏa. Thời-kỷ : Người sẽ đến ngay. Mưu-vọng : Chủ con số 3, 6, 9.

THƠ ĐOÁN

Tốn-hỷ vui-vẻ đến ngày,
Cần tài trọng quẻ đất bầy Nam-phương,
Mất của ta gấp tìm đường,
Thân mũi (Tây Nam) và ngọc (Nam) tỏ tường hỏi han,
Quan sự phúc-dức chu-toàn,
Bệnh-hoạn thì được bình-an lại lành,
Ruộng nhà lục súc thông-hành,
Người đi xa đã ráp-ranh tìm về.

Quẻ Xích-khẩu

Sao Bạch-hổ thuộc kim. Thời-kỷ : Việc quan xấu. Mưu-vọng : Chủ con số 4, 7, 10.

THƠ ĐOÁN

Xích-khẩu miệng tiến đã dành,
Lại phòng quan-sự tụng-dinh lời thôi,
Mất của gấp rút tìm tòi,
Hành-nhân kinh-hãi đậm khơi chưa về,

Trong nhà quái-khuyển quái-kẻ,
Bệnh-hoạn coi nặng động về Tây phương,
Phóng người ếm ngải vô thương,
Còn e xúc nhiễm ôn-hoàng hại thần,

Quẻ Tiểu-cát

Sao Lục-hợp thuộc kim. Thời-kỳ: Người mang
tin mừng lại. Mưu-vọng: Chủ con số 1, 5, 7.

THƠ ĐOÁN

Tiểu-cát là quẻ tốt lành,
Trên trường sự-nghiệp ta đánh dần-do,
Đàn-bà tin-tức lại cho,
Mất của thì kịp tìm đồ khôn phương (Tây Nam),
Hành-nhân trở lại quê hương,
Trên trường giao-tế lợi thường về ta,
Mưu-cầu mọi sự hợp hỏa,
Bệnh-hoạn cầu-khẩn ắt là giảm-thuyên.

Quẻ Không-vong

Sao Cầu-trần thuộc thổ. Thời-kỳ: Thừa
vắng tin-tức. Mưu-vọng: Chủ con số 3, 6, 9.

THƠ ĐOÁN

Không-vong sự việc chẳng thành,
Tiền-nhân ngang trở việc đánh đỡ dang?
Cầu-tài mọi sự nhờ nhàng,
Hành-nhân bán lộ còn dang mắc nân,
Mất của cửa chẳng tài hoàn,
Hình-thương quan-tụng mắc oan tới mình;
Bệnh-hoạn ma ám quỷ hành,
Kịp mau cầu khẩn bệnh tình mới an.



